

Số: 52/TB-HĐQT

Biên Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2018

**THÔNG BÁO
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/11/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 18/5/2016.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua ngày 12/5/2016;
- Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 50/NQ-HĐQT ngày 05/04/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với chi tiết cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08h00 sáng thứ sáu, ngày 20 tháng 04 năm 2018.
2. Địa điểm: Trụ sở Tổng Công ty Tín Nghĩa; Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
3. Nội dung: theo chương trình nghị sự đính kèm.
4. Điều kiện tham dự:

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt người sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa đến ngày thứ tư, 04/04/2018 đều được tham dự Đại hội.

- Cổ đông khi tham dự Đại hội mang theo giấy CMND/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu có). Cổ đông không thể đến dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội theo mẫu Giấy ủy quyền của Tổng Công ty Tín Nghĩa đính kèm.

- Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự họp cho Tổng Công ty Tín Nghĩa trước 16h00 ngày 18/4/2018 theo:

Số điện thoại 0251 822 486 – Ext 106 (chị Lê Thị Khuyên) hoặc

Số Fax: +0251 3823 747 hoặc Email: khuyen.lt@tinnghiacorp.com.vn.

- Quý cổ đông vui lòng tham khảo tài liệu họp ĐHĐCĐ trên website của Tổng Công ty Tín Nghĩa theo địa chỉ: www.tinnghiacorp.com.vn. Trường hợp cần hỗ trợ, Quý cổ đông liên hệ: Chị Lê Thị Khuyên – Ban Trợ lý Tổng giám đốc theo số điện



thoại 0251 822 486 (Ext: 106) hoặc Chị Nguyễn Thị Ngọc Ly theo số điện thoại 0251 822 486 (Ext: 110).

Đề Đại hội được tiến hành theo đúng các quy định của Pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, rất mong Quý vị cổ đông tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự đầy đủ.

Thông báo này thay cho thư mời họp.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Quách Văn Đức

Đính kèm:

- Giấy Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ
- Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

- Số CMND/ Thẻ căn cước công dân ("CCCD")/ Hộ chiếu:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số:

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:

Địa chỉ của cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu đến 16 giờ 30 phút ngày 04/04/2018:

Bằng số: cổ phần.

(Bằng chữ:)

XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

(vui lòng đánh dấu (X) vào ô thích hợp)

☐ Tham dự Đại hội

☐ Không tham dự Đại Hội

....., ngày tháng năm 2018

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên)



GIẤY ỦY QUYỀN

V/v: Tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

1. **Bên Ủy Quyền:**
Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):
Số CMND/ Thẻ căn cước công dân (“CCCD”)/ Hộ chiếu:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số:
Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:
Địa chỉ của Cổ đông:
Tổng số cổ phần sở hữu:.....
2. **Bên được Ủy Quyền:**
 - 2.1 Tên cá nhân/tổ chức:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNĐKDN/Giấy chứng nhận thành lập:.....
Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ (1):
Hoặc:
2.2 Ủy quyền cho một trong các thành viên Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau:
(Đánh dấu X vào một trong các ô sau đây)

☐	Ông Quách Văn Đức	– Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
☐	Ông Lê Hữu Tịnh	– Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD
☐	Ông Lê Văn Danh	– Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
3. **Nội dung ủy quyền:**
Bên Ủy Quyền ủy quyền cho Bên được Ủy Quyền thực hiện
- Số lượng cổ phần được ủy quyền:
Toàn bộ: Một phần (2):
- Phạm vi ủy quyền:
(Đánh dấu X vào các ô tương ứng):

☐ Tham dự ĐHĐCĐ	☐ Tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết
--	--

Bên Được Ủy Quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền theo Giấy ủy quyền này và không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Ngày tháng năm 2018

Bên Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Bên được Ủy Quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

-
- (1) Chỉ điền vào mục này nếu Bên Được Ủy Quyền là tổ chức.
(2) Cung cấp số lượng cổ phần được ủy quyền.



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Thời gian: Từ 8h00 đến 11h20 – Thứ sáu, ngày 20/04/2018.

Địa điểm: Trụ sở Tổng Công ty Tín Nghĩa.
Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00 – 8h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra thủ tục cổ đông dự Đại hội - Văn nghệ chào mừng	Ban Tổ chức
8h30 – 8h45	Nghi thức Đại hội: - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu - Báo cáo kết quả kiểm tra số lượng, tỷ lệ cổ đông tham dự và điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 - Thông qua Thê lệ biểu quyết. - Giới thiệu và thông qua thành phần Chủ tọa Đoàn, Thư ký Đoàn, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử.	Ban Tổ chức
8h45 – 8h55	- Thông qua Chương trình Đại hội. - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	Chủ tọa Đoàn
8h55 -9h00	Phát biểu khai mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đoàn
9h00 – 9h15	Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Tổng Công ty.	Chủ tọa Đoàn
9h15 – 9h25	Báo cáo thẩm định hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Ban Kiểm soát.	Ban Kiểm soát
9h25 – 9h45	Thông qua các Tờ trình: 1) Tờ trình phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán. 2) Tờ trình về sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa;	Chủ tọa đoàn

	3) Tờ trình về Quy chế Quản trị Tổng Công ty. 4) Tờ trình thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). 5) Tờ trình thông qua mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2017 và dự toán thù lao, tiền lương, tiền thưởng năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. 6) Tờ trình dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. 7) Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018. 8) Tờ trình về việc ĐHĐCĐ uỷ quyền cho HĐQT thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.	
9h45-10h15	Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT	
	1) Thông qua Quy chế Đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 2) Thông qua Tờ trình miễn nhiệm Thành viên HĐQT và danh sách ứng viên để bầu bổ sung TVHĐQT nhiệm kỳ I (2016-2021).	Chủ tọa Đoàn
	3) Hướng dẫn ghi phiếu bầu bổ sung thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ I (2016 – 2021). 4) Các cổ đông bầu cử.	Ban Bầu Cử
10h15 – 10h45	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua lần lượt các nội dung báo cáo và các Tờ trình nêu trên.	Chủ tọa Đoàn
10h45-10h55	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2016-2021). Thành viên HĐQT mới ra mắt Đại hội.	Ban Bầu Cử
10h55 – 11h05	Thông qua Biên bản Đại hội – Biểu quyết	Thư ký Đoàn trình bày và Chủ tọa Đoàn lấy biểu quyết
11h05 – 11h15	Thông qua Nghị quyết Đại hội - Biểu quyết.	Thư ký Đoàn trình bày và Chủ tọa Đoàn lấy biểu quyết
11h15 – 11h20	Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 - PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Qua một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa với các nội dung chủ yếu như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017:

1. Tình hình chung:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 gặp nhiều khó khăn do tác động của các yếu tố sau:

+ Vụ mùa 2016 – 2017 sản lượng thu hoạch cà phê giảm sút, chất lượng không tốt, trong khi đó giá cà phê những tháng đầu năm biến động thất thường với biên độ lớn, tình trạng “giá nội đội giá ngoại” xảy ra liên tục. Mặt khác, cạnh tranh giữa các Doanh nghiệp FDI với các nhà xuất khẩu cà phê Việt Nam ngày càng gay gắt. Những yếu tố này gây bất lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê Việt Nam, trong đó có Tín Nghĩa.

+ Ngành chăn nuôi, nhất là nuôi heo gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm nên nhu cầu nguyên liệu TACN giảm mạnh, một số doanh nghiệp chấp nhận bán hàng dưới giá vốn để giải phóng hàng tồn kho, ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh nhập khẩu của Tổng Công ty.

+ Kinh doanh sắt thép gặp khó khăn do giá sắt thép có xu hướng giảm mạnh từ đầu năm; nhu cầu tiêu thụ cũng giảm thấp.

- Trong hoạt động đầu tư, các thủ tục pháp lý, hành chính đối với doanh nghiệp vẫn còn nhiều phức tạp, chậm cải tiến. Tình trạng này làm cho quá trình triển khai các dự án đầu tư của Tổng Công ty bị đình trệ, nhất là vấn đề đất đai và thi công xây dựng.

- Tuy nhiên, bên cạnh khó khăn, có những yếu tố tác động tích cực đến hoạt động của Tổng Công ty như:

+ Những cải cách mạnh mẽ về hành chính, môi trường đầu tư, sự ổn định của kinh tế vĩ mô và tình hình an ninh, chính trị trong nước tiếp tục được giữ vững đã tạo điều kiện tốt nhất thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào KCN và những dự án bất động sản;

+ Uy tín và thương hiệu của Tín Nghĩa được khách hàng trong và ngoài nước đánh giá tốt, tạo được niềm tin với nhà đầu tư và các đối tác.

+ Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết trong các lĩnh vực KCN, kinh doanh xăng dầu, logistics đều có hiệu quả tốt.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2017:

2.1. Các Nghị quyết / Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2017:

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 17 (mười bảy) phiên họp. Trong đó, có 3 (ba) phiên họp định kỳ để đánh giá công tác quản trị, điều hành và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các Quý và cả năm 2017, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần và 14 (mười bốn) phiên họp đột xuất.

Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 102 văn bản, trong đó có 53 Nghị quyết, quyết định đối với các vấn đề về giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, công tác tổ chức nhân sự (thành lập công ty con, tham gia thành lập công ty liên kết, bổ sung mới Phó Tổng Giám đốc, thay đổi người đại diện quản lý vốn góp tại công ty con, công ty liên kết); thay đổi con dấu của Tổng Công ty; quyết định chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2017, tổ chức việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và quyết định các vấn đề có liên quan đến hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo hình thức họp và một số nội dung lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và được tất cả (5/5) thành viên dự họp hoặc trả lời phiếu lấy ý kiến đầy đủ, đúng thời gian. Các văn bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Các thành viên HĐQT thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cẩn trọng, hợp tác, chuyên nghiệp, trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và của cổ đông.

2.2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Mặc dù Hội đồng Quản trị không thành lập các tiểu ban nhưng đã có nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 22/6/2016 nội dung phân công thành viên HĐQT nhiệm kỳ I (2016-2021) phụ trách từng lĩnh vực hoạt động phù hợp với năng lực và sở trường của từng thành viên, đảm bảo yêu cầu quản trị của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc và các hoạt động của Tổng Công ty.

2.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị luôn theo dõi sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc và người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và hoạt động của Tổng Công ty cho HĐQT kịp thời, đầy đủ, chính xác. Cụ thể HĐQT đã giám sát Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động cơ bản sau:

- Ký kết hợp đồng kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2017.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán.
- Công tác nhận bàn giao vốn và tài sản từ BCD cổ phần hóa cho Công ty cổ phần.
- Thủ tục pháp lý để triển khai các dự án đầu tư.
- Chỉ đạo thực hiện chiến lược và định hướng kinh doanh toàn Tổng Công ty, triển khai đồng bộ đến các công ty con, đơn vị trực thuộc; đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý, năm; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Lập và công bố đúng thời hạn các Báo cáo Tài chính trong năm 2017 và thực hiện các nội dung công bố thông tin theo quy định của Công ty đại chúng. Thường xuyên và đột xuất kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của Ban Điều hành và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện đánh giá năng suất lao động theo KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh.
- Triển khai thực hiện các quy chế trong hoạt động của Tổng Công ty.
- Báo cáo hàng tháng cho HĐQT về kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động tháng tiếp theo

Hội đồng Quản trị họp xem xét, đánh giá và thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc, phân tích nguyên nhân và chỉ đạo, đề xuất các giải pháp xử lý.

3. Kết quả hoạt động năm 2017 của Tổng Công ty:

a. Hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đvt	Chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH2017/KH	TH2017/2016
1. Tổng doanh thu	trđ	8,600,000	5,862,361	68.17%	76.49%
2. Lợi nhuận sau thuế	trđ	165,000	361,737	219.23%	217.55%
3. Cổ tức	%	10 - 12	10	100.00%	

Doanh thu năm 2017 của Tổng Công ty 5.862,36 tỷ đồng, đạt 68,17% kế hoạch năm, bằng 76,49% so với cùng kỳ.

Tổng lợi nhuận sau thuế cả năm 2017 đạt 361,73 tỷ đồng đạt 219,23% kế hoạch năm, bằng 217,55% so cùng kỳ.

Đánh giá các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty:

*** *Xuất khẩu cà phê:***

Sản lượng cà phê xuất khẩu 64.075 tấn, đạt 53,4% kế hoạch năm, bằng 49,73% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu cafe: 130.470.818 USD đạt 54,36% kế hoạch năm và bằng 59,15% so cùng kỳ.

Kết quả kinh doanh xuất khẩu cà phê năm 2017 đạt thấp so với kế hoạch năm và giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do: Giá cà phê trong nước từ giữa tháng 04/2017 đến nay cao hơn giá xuất khẩu và biến động thất thường. Sản lượng vụ mùa 2016/2017 giảm hơn 15% so với vụ trước (khoảng 250.000 tấn) và chất lượng cà phê sụt giảm cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến quy mô xuất khẩu của Tổng Công ty.

Tuy quy mô xuất khẩu có giảm so với năm 2016 nhưng trong bối cảnh khó khăn chung của ngành xuất khẩu cà phê, năm 2017 Tổng Công ty vẫn giữ được vị trí Top 5/10 doanh nghiệp hàng đầu về xuất khẩu cà phê.

*** *Kinh doanh nhập khẩu mặt hàng nguyên liệu TACN và thép.***

Trong năm 2017, sản lượng nguyên liệu TACN nhập khẩu là 118.677 tấn đạt 53,7% kế hoạch năm, bằng 38,7% so với cùng kỳ. Sản lượng thép tiêu thụ năm 2017 đạt 34.057 tấn thép, đạt 75,68% kế hoạch năm.

Quy mô nhập khẩu giảm, kim ngạch nhập khẩu: 28.246.385 USD đạt 35,78% kế hoạch năm và bằng 42,17% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do ngành chăn nuôi gặp khó khăn về thị trường, nhu cầu TACN giảm nên nhu cầu nguyên liệu TACN giảm theo.

*** *Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp:***

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thu hút và ký Hợp đồng với 10 nhà đầu tư, với tổng số vốn đầu tư là 83,2 triệu USD. Tiếp xúc 106 đoàn khách đến tham quan, tìm hiểu các khu công nghiệp, ký được 6 MOU.

Doanh thu từ cho thuê hạ tầng và các dịch vụ KCN được 123,72 tỷ đồng, bằng 142,2% kế hoạch. Trong năm, đã cho thuê được 42,6 ha đất (đạt 89,58% kế hoạch) và 300m² nhà văn phòng (đạt 39,5% kế hoạch).

*** *Đầu tư tài chính:***

Trong năm 2017, lợi nhuận từ đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết được 107 tỷ đồng. Tuy nhiên, cổ tức sẽ được ghi nhận trong năm 2018 sau kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty con, công ty liên kết. Ngoài ra, trong năm 2017 Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư ngắn hạn cổ phiếu, có hiệu quả, đóng góp đáng kể vào thu nhập chung của Tổng Công ty.

b. Hoạt động đầu tư phát triển.

- ***Tập trung thực hiện thủ tục pháp lý cho các dự án trọng điểm***, gồm dự án Kho xăng dầu và bến chuyên dùng tại xã Phú Hữu, Cảng Tổng hợp Phú Hữu, Khu đô thị du lịch Đại Phước, Trung tâm dịch vụ tại xã Hiệp Phước và Long Thọ, Khu dân cư Quang Vinh.

+ **Dự án Tổng kho xăng dầu và bến chuyên dùng xăng dầu tại xã Phú Hữu:** Đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bổ sung chức năng và cập nhật quy hoạch kho ngoại quan xăng dầu; UBND tỉnh đã chấp thuận cho thuê đất trả tiền một lần giai đoạn 1, phân kỳ 1 (20 ha).

+ **Dự án Cảng Tổng hợp Phú Hữu:** Đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua chủ trương giao Bộ GTVT và UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất quy mô, công năng và phân kỳ đầu tư dự án. UBND tỉnh đã có văn bản đề xuất quy mô, công năng và phân kỳ đầu tư dự án gửi Bộ GTVT đề nghị thống nhất và Bộ GTVT đã có văn bản chấp thuận chủ trương và cập nhật quy hoạch cảng biển.

- **Triển khai các dự án đầu tư,** trong năm 2017 tiếp tục công tác thi công xây dựng hạ tầng các KCN Ông Kèo, KCN An Phước và nhà máy cà phê hòa tan.

- **Công tác bồi thường, thu hồi đất**

Tình hình đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án của Tổng Công ty gặp khó khăn, tiến độ rất chậm. Trong năm 2017, số tiền đền bù tại các dự án đã thực hiện là 112 tỷ đồng, chủ yếu tập trung ở KCN Ông Kèo. Diện tích đền bù đến nay tại KCN Ông Kèo là 309,3ha/602 ha. Các dự án khác, diện tích đền bù đạt tỉ lệ thấp so với tổng diện tích dự án.

c. Công tác tài chính và quản lý tài sản

Trong năm 2017, vốn cho nhu cầu kinh doanh và đầu tư được đảm bảo và trả nợ đúng hạn. Ngoài nguồn vốn lưu động luôn được đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thực hiện các giải pháp tích cực, chủ động nhằm khai thác nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Đến ngày 31/12/2017, tổng dư nợ vay ngân hàng là 2.239 tỷ đồng, hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu là 1,16 lần. Tổng tài sản của Tổng Công ty 7.164 tỷ đồng, tăng 17% so với đầu năm, tăng 25% so với thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. Vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2017 là 1.928 tỷ đồng, tăng so với vốn điều lệ 24%.

*** Đánh giá chung**

Do tác động ảnh hưởng của các yếu tố khách quan, hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu của Tổng Công ty Tín Nghĩa trong năm 2017 đã không đạt kế hoạch doanh thu, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch và đảm bảo cổ tức 10% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017.

Mặc dù một số chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp, nhưng Tổng Công ty cũng đã đạt được các mục tiêu cơ bản. Trong năm 2017, Tổng Công ty được xếp trong Top 100 trong Danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do VNR bình chọn và đứng trong Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu Việt Nam. Tình hình tài chính ổn định, đảm bảo được vốn cho kinh doanh và đầu tư, bảo toàn và phát triển vốn, duy trì hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá 3 lần. Hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế. Đảm bảo lợi ích hài hòa cho cổ đông, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV và thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội. Các hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ Điều lệ, quy chế nội bộ Tổng Công ty và chấp hành tốt quy định pháp luật.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Năm 2018, hoạt động SXKD trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, diễn biến phức tạp từ sự bất ổn địa chính trị, xu hướng gia tăng bảo hộ mậu dịch tác động tiêu cực tới hoạt động thương mại và đầu tư của Việt Nam. Trong khi đó, giá các mặt hàng nông sản tiếp tục biến động có thể sẽ ảnh hưởng tới xuất khẩu nông sản của Việt Nam nói chung và của Tổng Công ty nói riêng. Thị trường xuất khẩu cà phê năm 2018 nhiều khó khăn, thị phần bị chia sẻ tác động đến giá cả thu mua và xuất khẩu.

Tuy nhiên, theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), kinh tế thế giới sẽ tiếp tục đà hồi phục trong năm 2018 và theo dự báo của ADB, Ngân hàng Thế giới (WB), kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,3% trong năm 2018, nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, ngân hàng và du lịch. Chính phủ đang quyết liệt trong cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, đẩy mạnh tái cấu trúc để tăng trưởng kinh tế, giữ ổn định các chỉ số kinh tế vĩ mô (tỷ giá, lãi suất, lạm phát...).

Với nhận định tình hình như trên, HĐQT xây dựng và trình ĐHCĐ thường niên về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp cho các hoạt động của Tổng Công ty năm 2018, cụ thể như sau:

1. Phương hướng hoạt động năm 2018

- Tập trung nguồn lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Tổng Công ty. Cụ thể:

+ Mở rộng thêm đầu mối mua bán cà phê, phát triển thêm khách hàng, gia tăng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu, duy trì thứ hạng trong Top các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hàng đầu Việt Nam.

+ Tiếp tục kinh doanh nhập khẩu nguyên liệu TACN, thép và các mặt hàng nguyên liệu SX khác. Cùng cố, tìm giải pháp để phát triển thị trường nội địa.

- Về đầu tư phát triển: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm. Hoàn thành xây dựng hạ tầng các KCN để thu hút nhà đầu tư; Hoàn tất thi công xây dựng Nhà máy cà phê hòa tan, đưa vào hoạt động cuối quý 2/2018; Triển khai các thủ tục thi công Tổng kho xăng dầu và bến chuyên dùng Phú Hữu.

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Cải tiến chính sách tiền lương, thưởng; gắn thu nhập và tiền lương của người lao động với kết quả hoạt động và hiệu quả kinh doanh của từng Công ty, đơn vị.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thường xuyên thực hành tiết kiệm; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và tạo hệ thống chuỗi trong toàn hệ thống Tổng Công ty.

2. Nhiệm vụ chủ yếu năm 2018

Trên cơ sở kết quả thực hiện 2017 và những thuận lợi, khó khăn trong năm 2018, Tổng Công ty xác định kế hoạch năm 2018, với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

+ Tổng doanh thu: Từ 6.500 tỷ đồng đến 7.000 tỷ đồng.

+ Cổ tức: 10% - 12%.

3. Các giải pháp chủ yếu

a. Hoạt động kinh doanh

- Mở rộng đầu mối mua bán cà phê, mạng lưới nhà cung cấp, tăng thêm khách hàng nước ngoài. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, bảo hiểm rủi ro trong kinh doanh cà phê. Tổ chức phân công nhân sự phụ trách mua bán hợp lý để tăng quy mô kinh doanh. Cùng cố hoạt động, khai thác hiệu quả sử dụng tài sản tại Chi nhánh Bảo Lộc.

- Tăng cường nhân sự có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh nhập khẩu nguyên liệu TACN, thép và các mặt hàng nguyên liệu sản xuất. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin thị trường đối với các mặt hàng kinh doanh; Tích cực tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng trong nước.

- Thu hút đầu tư vào các KCN bằng các biện pháp tích cực; Tăng cường mối quan hệ và thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan ngoại giao, kinh tế, thương mại của các nước, với Trung tâm xúc tiến đầu tư VCCI và thực hiện thường xuyên các chương trình chăm sóc khách hàng.

- Thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính, M&A, đầu tư mua bán nợ - tài sản để tăng hiệu quả kinh doanh. Thông qua Người đại diện vốn, chỉ đạo các biện pháp tác động nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên kết.

- Thông qua Người đại diện, chỉ đạo các công ty thành viên mở rộng quy mô kinh doanh, tiết kiệm chi phí và đảm bảo hiệu quả kinh doanh không thấp hơn năm 2017.

b. Công tác đầu tư phát triển:

Cùng với việc đầu tư hạ tầng tại KCN An Phước, KCN Ông Kèo, tiếp tục tập trung thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm:

+ Dự án Tổng kho Xăng dầu và Cảng chuyên dùng Phú Hữu: hoàn tất các thủ tục pháp lý để đủ điều kiện khởi công xây dựng trong năm 2018.

+ Tiếp tục đầu tư, tăng số lượng các trạm xăng dầu theo kế hoạch. Hoàn tất việc xin Giấy phép thương nhân phân phối xăng dầu.

+ Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, thu hồi đất các dự án Cảng Tổng hợp Phú Hữu, Khu du lịch cù lao Đại Phước, Khu Trung tâm Dịch vụ Hiệp Phước,...

+ Nhà máy chế biến cà phê hòa tan: Đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, đưa vào hoạt động sản xuất vào cuối quý 2 năm 2018.

+ Chỉ đạo các công ty con triển khai nhanh các dự án. Cụ thể: Dự án đầu tư Khu dịch vụ thương mại, Logistic tại huyện Thống Nhất (Công ty CP KCN Tín Nghĩa), dự án Khu dân cư Phước Tân (Công ty CP TM & ĐT Phước Tân) ; dự án khu Cù Lao – Tân Vạn (Công ty CP Tín Nghĩa – Á Châu).

c. Công tác tài chính

**** Vốn lưu động***

+ Thường xuyên giữ mối quan hệ tốt với các ngân hàng, sử dụng vốn vay có hiệu quả, tìm kiếm các nguồn vốn giá rẻ và vận dụng linh hoạt chính sách lãi suất cho vay tiền đồng, tiền ngoại tệ của các ngân hàng.

+ Tiếp tục thực hiện chuyển nhượng, thanh lý các tài sản theo phương án cổ phần hóa và theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**** Vốn đầu tư***

+ Chậm nhất trong Quý II/2018 hoàn thành việc tăng vốn điều lệ sau khi có chấp thuận của UBCKNN để kịp thời bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển.

+ Phát hành trái phiếu doanh nghiệp, khối lượng từ 500 – 1.000 tỷ đồng, bên cạnh kêu gọi hợp tác đầu tư, liên doanh,... để triển khai các dự án thuộc lĩnh vực chủ yếu của Tổng Công ty.

d. Công tác quản trị

+ Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai hoàn chỉnh và thực hiện công cụ KPIs phù hợp với yêu cầu phát triển và hoạt động quản lý của Tổng Công ty.

+ Cải tiến các quy trình nội bộ, tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ, theo lộ trình vào tất cả các lĩnh vực, bộ phận quản lý.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Tổng Công ty và quy định của pháp luật.

+ Rà soát, hoàn chỉnh lại quy chế làm việc, quy trình xử lý công việc, tăng cường trách nhiệm hỗ trợ công việc lẫn nhau giữa các phòng/ban/công ty con/đơn vị trực thuộc..

+ Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ.

e. Công tác nhân sự

+ Tập trung thực hiện tái cơ cấu nguồn nhân lực, có kế hoạch cụ thể về tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm. Ưu tiên nhân lực cho hoạt động kinh doanh, tài chính và đầu tư phát triển. Tiếp tục quan tâm tìm nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, kể cả người nước ngoài. Xây dựng kế hoạch và thực hiện thường xuyên chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho CBCNV phù hợp với yêu cầu hiện tại và chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

+ Hoàn thiện bộ máy tổ chức và công tác quản trị điều hành, đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.

+ Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc, đổi mới chế độ tiền lương, thu nhập phù hợp với kết quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, có chế độ đãi ngộ xứng đáng đối với những đóng góp tích cực.

f. Công tác truyền thông, tiếp thị.

- Tham gia có chọn lọc các giải thưởng Quốc gia có uy tín, chất lượng nhằm nâng cao uy tín và giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Tín Nghĩa. Xây dựng và phát triển hình ảnh văn hóa tổ chức, văn hóa doanh nghiệp.

- Thực hiện đồng bộ các hoạt động truyền thông, gắn công tác truyền thông với các sự kiện liên quan đến lĩnh vực kinh doanh chính, các dự án, sự kiện của Tổng Công ty.

- Chủ động xây dựng các chương trình xúc tiến kêu gọi đầu tư hoặc bố trí tham gia các đoàn xúc tiến thương mại và đầu tư của Chính phủ, của Tỉnh nhằm thúc đẩy các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 cùng các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch năm 2018 của Tổng Công ty Tín Nghĩa. Xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và xin ý kiến đóng góp của các cổ đông. *kh*

Trân trọng,

kh
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, BTL./.



Quách Văn Đức

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng Công ty Tín Nghĩa đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát báo cáo thẩm định kết quả thực hiện năm 2017 như sau:

I/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ điều lệ Tổng Công ty và quy chế làm việc của Ban kiểm soát, trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ:

- Ban hành kế hoạch kiểm soát năm 2017, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và tổ chức thực hiện theo quy định.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, dự họp giao ban hàng tháng và đưa ra ý kiến góp ý trong phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của Ban KS;
- Kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý; thẩm định BCTC năm 2017.
- Kiểm tra, giám sát trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định của Tổng Công ty; giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Kịp thời phát hiện và kiến nghị HĐQT về những hoạt động không phù hợp với quy định về quản trị doanh nghiệp.

Hầu hết các đề xuất kiến nghị tại các Biên bản làm việc và Báo cáo công tác kiểm soát định kỳ trong năm 2017 của Ban kiểm soát đã được thực hiện. Tình hình thực hiện một số nội dung chính như sau:

- Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động cho phù hợp tình hình tách nhập các phòng ban -> Đã thực hiện hoàn thành
- Công tác thanh toán nợ tạm ứng -> Đã thực hiện
- Công tác bàn giao vốn cho công ty cổ phần đã thực hiện xong, theo đó phần vốn thiếu của Cổ đông đã được góp đủ.
- Điều chỉnh Quy chế tài chính và Quy chế tiền lương – thưởng nhằm đáp ứng hoạt động SX kinh doanh và phù hợp với hoạt động công ty cổ phần -> Đang thực hiện; Trong tháng 4/2018, sau Hội nghị đại biểu người lao động sẽ ban hành quy chế tiền lương – thưởng.

- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ công ty mới theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP, hôm nay trình Đại hội.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

1- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Thực hiện/KH
1. Tổng doanh thu	trđ	8.600.000	5.862.361	68,17%
2. Lợi nhuận sau thuế	trđ	165.000	361.737	219,23%
3. Cổ tức	%	10 đến 12%	10	100%

Đối với việc chia cổ tức, Đại hội sẽ quyết định tại tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017.

Doanh thu hoạt động SXKD chưa đạt kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, do một số nguyên nhân sau:

- Giá cả phê trong nước cao hơn giá xuất khẩu và biến động thất thường. Sản lượng vụ mùa 2016/2017 giảm hơn 15% so với vụ trước và chất lượng cà phê cũng sụt giảm. Do vậy, sản lượng và kim ngạch XK cà phê của Tổng Công ty không đạt KH.

- Ngành chăn nuôi gặp khó khăn về thị trường, nhu cầu TACN giảm nên nhu cầu nguyên liệu TACN giảm theo. Sản lượng, doanh thu mặt hàng kinh doanh nguyên liệu TACN của Tổng Công ty giảm đáng kể.

2- Tình hình thực hiện chi phí

Chỉ tiêu/thời điểm	Q1/2017	Q2/2017	Q3/2017	Q4/2017	2017
Tổng doanh thu	1,824.25	940.17	865.1	1,515.04	5,144.55
% tăng/giảm so với quý liền kề		52%	92%	175%	
Tổng chi phí	1,787.34	946.34	766	1,259.67	4,759.34
% tăng/giảm so với quý liền kề		53%	81%	164%	

(Số liệu trên không bao gồm Chi nhánh Bảo lộc)

Qua xem xét báo cáo tài chính từng quý, năm 2017, tình hình thực hiện doanh thu, chi phí của Tổng Công ty phù hợp với quy định “tốc độ tăng chi phí nhỏ hơn tốc độ tăng doanh thu và thu nhập” tại khoản 2, Điều 17, Quy chế tài chính của Tổng Công ty ban hành ngày 30/06/2016.

3- Công tác triển khai đầu tư

STT	Dự án	KH đầu tư (tỷ đồng)	Thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
1	Tổng kho xăng dầu Phú Hữu	700	35,1	5%
2	Cảng Tổng hợp Phú Hữu	50	8,8	17.6%
3	Khu Trung tâm DV Hiệp Phước	70	3,4	4.9%
4	Khu Đô thị và Du lịch Đại Phước	50	4,8	96%
5	Hạ tầng KCN Ông Kèo	400	167,6	41.9%
6	Hạ tầng KCN An Phước	68	122,6	180.3%

7	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan	80	80	100%
8	Các dự án khác	155	7,6	4.9%
	Tổng cộng	1.573	473,1	30.1%

Việc thực hiện các dự án đầu tư chậm so với tiến độ và chưa giải ngân vốn đầu tư theo đúng kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, do một số nguyên nhân sau:

- Khó khăn phát sinh trong thủ tục bồi thường, thu hồi đất tại một số dự án do quy trình thủ tục đầu tư, đất đai thay đổi theo quy định Nhà nước và địa phương (*Khu trung tâm dịch vụ Hiệp Phước, Cảng Tổng hợp, Khu đô thị và du lịch Đại Phước*).

- Phát sinh các hạng mục bổ sung trong công tác đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại KCN Ông Kèo, KCN An Phước.

- Phát sinh các thủ tục đầu tư, cấp phép quy hoạch tại dự án Tổng kho xăng dầu Phú Hữu nên chưa triển khai được công tác đầu tư xây dựng theo kế hoạch.

4- Tình hình tăng giảm vốn cổ đông :

- Vốn điều lệ theo giấy CN đăng ký kinh doanh : 1.558.000.000.000 đ

- Đến 31/12/2017 vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.558.000.000.000 đ

STT	Loại Cổ đông	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỉ lệ cổ phần
I	Cá nhân	320	8.495.550	5,5%
II	Tổ chức	6	147.304.450	94,5%
1	<i>Tỉnh ủy Đồng Nai</i>		<i>77.900.000</i>	<i>50%</i>
2	<i>Cty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</i>		<i>54.530.000</i>	<i>35%</i>
3	<i>Công ty Cổ phần TM Thành Thành Công</i>		<i>2.484.450</i>	<i>1,6%</i>
4	<i>Amersham Industries Limited</i>		<i>4.890.000</i>	<i>3,1%</i>
5	<i>Balestrand Limited</i>		<i>2.500.000</i>	<i>1,6%</i>
6	<i>Vietnam Enterprise Investments Limited</i>		<i>5.000.000</i>	<i>3,2%</i>
	Tổng cộng	326	155.800.000	100%

* Công tác phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

- Theo NQ Đại hội đồng cổ đông năm 2017 tăng vốn lên 2000 tỷ đồng, đối tượng chào bán cho cổ đông hiện hữu và CB-CNV. Số lượng cổ phần chào bán 44.200.000 cổ phần, trong đó 7.750.000 CP cho CB-CNV và 36.450.000 CP cho cổ đông hiện hữu.

Tổng Công ty đã tích cực triển khai, hoàn thành hồ sơ và các thủ tục phát hành cổ phiếu, tuy nhiên hiện nay còn chờ phê duyệt của UBCK Nhà nước. Dự kiến sẽ hoàn thành thủ tục này sớm trong tháng 4/2018.

Trong năm 2017, huy động và khai thác các nguồn vốn đáp ứng kịp thời và đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, nhất là vốn cho kinh doanh xuất khẩu cà phê và nhập khẩu hàng hoá. Tổng dư nợ ngắn hạn đến 31/12/2017: 2.183 tỷ đồng; dư nợ trung dài hạn: 3.052 tỷ đồng. So với đầu năm, hệ số nợ trên tổng tài sản 73%, không thay đổi. Tổng tài sản đầu năm 2017 là 6.100 tỷ đồng, đến 31/12/2017 là 7.164 tỷ đồng, tăng 17% cho thấy Công ty bảo toàn vốn và có sự gia tăng tổng tài sản.

5- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017

Hệ thống kế toán, công tác hạch toán kế toán năm 2017 của Tổng Công ty phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Các khoản mục, số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả HĐKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được phản ánh đầy đủ, rõ ràng.

Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty Hãng kiểm toán AASC, đơn vị trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, đủ điều kiện kiểm toán.

Với kết quả nêu trên, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2017 của Tổng Công ty “Báo cáo tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa”.

III/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

1/ Đối với Hội đồng quản trị

- HĐQT đã tổ chức 17 (mười bảy) phiên họp, trong đó có 03 (ba) phiên họp định kỳ để đánh giá công tác quản trị, điều hành và kết quả hoạt động SXKD hàng quý; và 14 (mười bốn) phiên họp đột xuất để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của Tổng Công ty.
- Trong năm 2017, HĐQT Công ty ban hành 53 văn bản, nghị quyết. Các văn bản, nghị quyết được ban hành và quản lý lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Nhìn chung HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2/ Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai thực hiện đến các công ty con, đơn vị trực thuộc, phòng ban;
- Kịp thời ban hành và chỉnh sửa các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp theo quy định của Công ty cổ phần.
- Chủ động đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, kiểm soát chi phí và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Báo cáo và công bố thông tin kịp thời hàng tháng, quý, năm những nội dung theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

Ban TGDĐ đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; đã triển khai thực hiện đầy đủ và

ng nghiêm túc tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ và NQ HĐQT Công ty năm 2017. Kết quả hoạt động SXKD, lợi nhuận hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

IV/ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị;

Ban KS tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng và đóng góp ý kiến trong công tác quản trị điều hành của Tổng Công ty.

Các báo cáo của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty phản ánh số liệu và thông tin hoạt động của công ty công khai minh bạch và đăng tải trên Website Tổng Công ty. Hoạt động công bố thông tin tuân thủ quy định và kịp thời;

Ban KS đánh giá cao hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty trong thời gian qua, đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tình hình chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát:

Nội dung	NQ Đại hội cổ đông 2017	HĐQT DỰ KIẾN (đồng)	Thực hiện năm 2017 (đồng)	
			Đã chi	Chưa chi
Lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	2% LNST		2.497.546.285	
Mức thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát	10% phần LNST vượt KH 2017		Chưa chi	
Tổng cộng			2.497.546.285	

Ban KS ghi nhận theo số thực chi năm 2017 như trên. Như vậy, chi tiền lương, thù lao, tiền thưởng HĐQT, Ban KS, sẽ căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018. Ban KS sẽ theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

V/ KIẾN NGHỊ:

Để hoạt động SXKD hoàn thành KH được giao, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, Ban kiểm soát có một số kiến nghị:

1) Ban điều hành tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý... nhằm phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và quy định pháp luật.

2) Đối công tác đầu tư, cần tập trung ưu tiên triển khai nhanh các dự án trọng điểm như Nhà máy chế biến cá phê hòa tan, hoàn thành trong quý 2/2018; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đền bù thu hồi đất, đưa vào đầu tư xây dựng công trình nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng Tổng kho xăng dầu Phú Hữu, Cảng tổng hợp, KCN Ông Kèo.

3) Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự, bám sát chiến lược phát triển Tổng Công ty làm cơ sở triển khai thực hiện KH hàng năm, bám sát 4 ngành lõi làm nền tảng cho phát triển bền vững.

4) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro về công nợ.

5) Đề nghị thực hiện theo quy định của UBCKNN về niêm yết đăng ký cổ phiếu ngay sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ.

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban TGD TCT;
- Lưu.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ MINH CHƯƠNG

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

Trân trọng kính trình Đại hội,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/11/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 18/5/2016.

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty ngày 12/5/2016;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 như sau:

Báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 (bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng) đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và xác nhận, được Ban Kiểm soát Tổng Công ty kiểm tra. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, với những nội dung sau:

- (1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- (2) Báo cáo của Kiểm toán độc lập
- (3) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017
- (4) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017
- (5) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2017
- (6) Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng như sau: “Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất (và Báo cáo tài chính riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Báo cáo chi tiết được đính kèm và công bố trên Website của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua. 

Trân trọng cảm ơn.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Quách Văn Đức

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Để đảm bảo tiếp cận các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất, dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa đã được Hội đồng quản trị xây dựng tuân thủ theo các quy định pháp luật có liên quan nêu trên nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét, thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa gồm 21 Chương, 63 Điều (như dự thảo Điều lệ công bố trên website của Tổng Công ty). Điều lệ này sẽ thay thế cho bản Điều lệ hiện hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/05/2016.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh (nếu có), tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký bản Điều lệ này tại cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quách Văn Đức

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế quản trị
Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

Để đảm bảo Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa tiếp cận các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt nhất, dự thảo Quy chế quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa xây dựng tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định pháp luật khác có liên quan, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét, thông qua toàn văn Quy chế Quản trị của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa gồm 12 Chương, 60 Điều (như dự thảo Quy chế quản trị công bố trên website của Tổng Công ty Tín Nghĩa).

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng Công ty thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế (nếu có) và tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành bản Quy chế này theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quách Văn Đức

Số: 57/TT-HĐQT

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2018.

TỜ TRÌNH

Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Hội đồng Quản trị đã đăng ký chứng khoán và đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 07/9/2017. Hội đồng Quản trị đang thực hiện thủ tục xin phép phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.558 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Hiện nay UBCKNN đang thẩm định đề cấp phép phát hành cổ phiếu tăng vốn của Tổng Công ty. Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ Tổng Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018:

1. Thông qua việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán đối với số cổ phần tăng thêm trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.558 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng.

2. Thông qua đăng ký giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phiếu của Tổng Công ty.

3. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm để tiến hành các công việc cần thiết và chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu có liên quan để triển khai việc đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán đối với số cổ phần tăng thêm trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phiếu của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Quách Văn Đức

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
Về dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/11/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 18/5/2016.

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty ngày 12/5/2016;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đvt : đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	361.737.060.667
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	18.086.853.033
3	Trích lập Quỹ Khen thưởng/Quỹ Phúc Lợi (2 tháng lương thực trả)	7.200.000.000
4	Thưởng HĐQT, BKS (theo Nghị quyết ĐHČĐ ngày 12/5/16)	2.900.000.000
5	Trích Quỹ thưởng HĐQT, BKS (theo Nghị quyết ĐHČĐ ngày 21/4/2017)	4.446.350.028
6	Chi cổ tức (10% trên vốn điều lệ)	155.800.000.000
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	173.303.857.606

Trân trọng kính trình Đại hội xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 nêu trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quách Văn Đức

Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2018.

TỜ TRÌNH
V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

Nhằm thực hiện các quy định, công khai minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng Công ty như sau:

STT	Tên công ty kiểm toán
1	Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
2	Công ty TNHH Kiểm toán Price Waterhousecoopers Việt Nam (PwC)
3	Công ty TNHH KPMG (KPMG)

Các công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có tên trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán theo danh sách nêu trên để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Trong trường hợp không thỏa thuận được với 3 công ty kiểm toán nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một Công ty kiểm toán khác trong danh sách được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty niêm yết để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



LÊ MINH CHƯƠNG

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (sau đây gọi là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức có tên trong danh sách cổ đông chốt đến 16 giờ 00 ngày 04/4/2018 có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 3. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

1. Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành.
2. Được Ban Tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.
3. Tại Đại hội, cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội được nhận một bộ tài liệu Đại hội, 01 thẻ biểu quyết và 01 (một) phiếu bầu cử. Trong đó:
 - Thẻ biểu quyết màu hồng (ghi: mã số biểu quyết; số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
 - Phiếu bầu cử màu xanh để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
4. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội trên

có trật tự của cuộc họp; hoặc

- ✓ Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- ✓ Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 8. Thư ký đoàn

1. Thư ký đoàn gồm một Trưởng Ban và một số thành viên do HĐQT đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Thư ký đoàn thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đoàn:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.
 - b. Hỗ trợ Chủ tọa Đoàn công bố Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa Đoàn gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

Chương III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 16 giờ ngày 04/4/2018.
2. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 không thành theo Điều 21 của Điều lệ Tổng Công ty.
 - a. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì triệu tập họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 10. Thể lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội thực hiện theo Thể lệ biểu quyết đã được Đại hội thông qua.

Điều 11. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử do HĐQT Tổng Công ty Tín Nghĩa trình Đại hội thông qua.

Điều 12. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc

thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 144 của Luật Doanh nghiệp thì phải đạt ít nhất 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.
3. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo thể lệ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Thư ký đoàn ghi vào Biên bản họp.
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết phải lập xong, thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

1. Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51%/tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp biểu quyết thông qua.
2. Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Quách Văn Đức

Biên Hòa, ngày 05 tháng 4 năm 2018.

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 03/11/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 18/5/2016.

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Tín Nghĩa được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty ngày 12/5/2016;

QUY ĐỊNH

Điều 1. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Tổng Công ty Tín Nghĩa như sau:

1. Mọi quyết định của Đại hội đều phải biểu quyết công khai, trực tiếp, tuân tực từng nội dung biểu quyết theo chương trình Đại hội do Chủ tọa Đoàn quyết định.
2. Thẻ thức biểu quyết:
 - a. Mỗi cổ đông sở hữu hoặc người được ủy quyền (đại diện) đến tham dự Đại hội sẽ nhận một Thẻ Biểu quyết từ Ban Tổ chức có ghi họ và tên cổ đông, mã số biểu quyết và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Phiếu biểu quyết dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết. Ban Kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số phiếu đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành), không có ý kiến.
 - c. Kết quả biểu quyết được công bố tại Đại hội. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa Đoàn sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Thẻ lệ biểu quyết có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Tổng Công ty Tín Nghĩa tổ chức ngày thứ sáu, 20/4/2018.
2. Chủ tọa Đoàn, Thư ký đoàn và Quý cổ đông chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Thẻ lệ biểu quyết đã được Đại hội thông qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

THẺ BIỂU QUYẾT

TÊN CỔ ĐÔNG

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT

MÃ SỐ BIỂU QUYẾT



QUY CHẾ

Đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

3. Quy chế này quy định và điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông Công ty chốt đến 16 giờ ngày 04/04/2018), thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông đều được nhận một phiếu bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các điều kiện và thủ tục bầu cử quy định tại Quy chế này.
- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội. Khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Đề cử, ứng cử viên để bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Là cổ đông của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 05 (năm) % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử;

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và có ý thức chấp hành pháp luật.

2. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website Tổng Công ty;

- Lý lịch cá nhân (hoặc văn bản tương đương) của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website Tổng Công ty;

- Bản sao có chứng thực hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú); CMND hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 5. Thông tin hồ sơ

Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa trước ngày 15/4/2018.

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung vào thành viên Hội đồng quản trị và sẽ thông qua danh sách tại Đại hội.

Chương III

BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành.
- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; tên cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền, tổng số phiếu bầu cử;
- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu HĐQT theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (có giấy ủy quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
- Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không do Ban tổ chức phát hành, không theo mẫu quy định của Tổng Công ty hoặc không có dấu của Tổng Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;

Điều 8. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu. Cổ đông có thể sử dụng số cổ phần có quyền biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên.
- Nguyên tắc bầu cử được quy định cụ thể tại Phụ lục hướng dẫn ghi phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử

- Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử (sau đây gọi tắt là Ban Kiểm phiếu) gồm ba (03) người do Ban Tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên ban bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử bổ sung vào Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu, giám sát việc bỏ phiếu, tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 10. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Người trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;
- Trong trường hợp không lựa chọn được thành viên trúng cử cuối cùng của Hội đồng quản trị, do có từ hai (02) ứng cử viên trở lên có số phiếu bầu ngang nhau, khi đó sẽ chọn theo tiêu chí ứng cử viên sở hữu số cổ phần cao hơn sẽ được chọn;

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số cổ phần biểu quyết và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; danh sách thành viên Hội đồng quản trị trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12. Quy định về khiếu nại

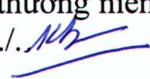
Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Chủ Tọa Đoàn Đại hội đồng cổ đông giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Quy chế này gồm 4 Chương và 13 Điều do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa ban hành, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa sau khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp biểu quyết thông qua.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành./. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Quách Văn Đức

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

PHIẾU BẦU
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016-2021

Mã số thẻ biểu quyết: 001

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: X cổ phần
Tổng số phiếu bầu: X x 2 = Y phiếu bầu

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1		
2		
Tổng cộng:		Y



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 54
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tín Nghĩa tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1828/QĐ.UBT ngày 06 tháng 08 năm 1994 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định chuyển đổi Doanh nghiệp số 431-QĐ/TU ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc chuyển Công ty Tín Nghĩa thành Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Theo Quyết định số 778-QĐ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2010, Tỉnh ủy Đồng Nai đã điều chỉnh tên gọi Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tín Nghĩa thành Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600283394 ngày 18 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 96 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Tịnh	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Phú Kiệt	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Bà Nguyễn Hải Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Quách Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Phú Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2017
Ông Cao Ngọc Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2017
Ông Nguyễn Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Minh Chương	Trưởng ban
Ông Trần Phạm Việt Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Triển	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

96 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2018



TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Quách Văn Đức



Số: 0504.18.003 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã công bố việc xử lý tài chính theo Quyết định số 855-QĐ/TU ngày 12/7/2017 của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Ngân sách Đảng tại thời điểm Tổng Công ty Tín Nghĩa chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần.
- Tại thuyết minh số 41, Tổng Công ty đã công bố về việc số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 18/05/2016 đến ngày 31/12/2016 (đã được kiểm toán) do đây là kỳ kế toán đầu tiên sau khi Tổng Công ty chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.016.637.393.391	1.673.292.041.827
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	362.634.953.883	519.408.426.692
111	1. Tiền		70.627.633.883	507.988.426.692
112	2. Các khoản tương đương tiền		292.007.320.000	11.420.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	206.207.661.800	11.124.511.800
121	1. Chứng khoán kinh doanh		6.616.661.800	7.913.511.800
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		199.591.000.000	3.211.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		814.848.859.129	667.969.729.845
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	398.772.785.453	389.715.706.267
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	136.413.130.414	142.417.520.423
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	255.998.081.401	107.637.115.258
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	40.226.203.828	42.447.915.245
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.561.341.967)	(14.248.527.348)
140	IV. Hàng tồn kho	10	622.352.371.671	467.707.734.698
141	1. Hàng tồn kho		641.450.750.848	467.752.332.154
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(19.098.379.177)	(44.597.456)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.593.546.908	7.081.638.792
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	5.628.306.484	597.750.459
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.686.942.470	4.025.235.382
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	3.278.297.954	2.458.652.951
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.147.585.873.760	4.427.020.177.836
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		881.286.351.047	815.226.558.751
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	05	133.956.159.571	133.956.159.571
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	07	566.119.154.399	564.584.488.474
216	3. Phải thu dài hạn khác	08	181.354.443.827	116.829.317.456
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(143.406.750)	(143.406.750)
220	II. Tài sản cố định		337.333.069.992	389.709.560.269
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	276.252.100.776	327.163.099.180
222	- Nguyên giá		524.040.600.752	574.288.452.315
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.788.499.976)	(247.125.353.135)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	61.080.969.216	62.546.461.089
228	- Nguyên giá		66.361.893.087	66.954.800.138
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.280.923.871)	(4.408.339.049)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	273.706.193.416	292.946.362.999
231	- Nguyên giá		371.602.932.811	547.774.136.747
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.896.739.395)	(254.827.773.748)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.314.163.377.465	1.178.682.287.688
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.314.163.377.465	1.178.682.287.688
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.218.434.203.395	1.575.116.853.527
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.105.547.485.857	1.489.183.125.333
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		157.993.778.347	77.993.778.347
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.080.823.269	43.900.823.269
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(84.187.884.078)	(35.960.873.422)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		122.662.678.445	175.338.554.602
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	122.662.678.445	175.338.554.602
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.164.223.267.151	6.100.312.219.663

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.235.821.147.626	4.466.082.339.041
310	I. Nợ ngắn hạn		2.183.747.505.834	1.975.666.157.819
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	134.181.814.259	87.456.641.449
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	27.644.366.094	24.632.335.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	3.843.218.296	8.550.021.207
314	4. Phải trả người lao động		18.335.498.057	13.846.743.131
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	29.732.289.009	31.521.892.151
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	1.380.000.000	1.208.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	87.202.135.733	25.532.457.539
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1.875.074.694.482	1.772.708.301.845
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.353.489.904	10.209.765.304
330	II. Nợ dài hạn		3.052.073.641.792	2.490.416.181.222
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	1.035.291.777.294	2.184.905.029.482
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	1.589.126.081.788	184.396.536.309
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	363.868.408.063	55.589.703.443
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35a	63.787.374.647	65.524.911.988
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.928.402.119.525	1.634.229.880.622
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.928.402.119.525	1.634.229.880.622
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.517.062.697.120
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.517.062.697.120
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.634.952.321	5.634.952.321
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.892.231.181	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		362.874.936.023	111.532.231.181
421b	LNST chưa phân phối năm nay		362.874.936.023	111.532.231.181
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.164.223.267.151	6.100.312.219.663

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Minh Hồng

Nguyễn Thị Thủy Vân

Quách Văn Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 18/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	5.287.873.609.441	4.389.495.947.869
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		107.285.041	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.287.766.324.400	4.389.495.947.869
11	4. Giá vốn hàng bán	26	5.173.257.817.957	4.179.562.316.704
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		114.508.506.443	209.933.631.165
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	560.537.216.537	145.525.718.532
22	7. Chi phí tài chính	28	168.663.401.427	125.155.141.408
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		104.890.514.787	68.057.385.494
25	8. Chi phí bán hàng	29	58.060.715.410	35.334.304.267
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	92.809.852.865	76.828.706.453
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		355.511.753.278	118.141.197.569
31	11. Thu nhập khác	31	14.057.062.083	7.259.082.479
32	12. Chi phí khác	32	4.817.540.119	6.106.418.518
40	13. Lợi nhuận khác		9.239.521.964	1.152.663.961
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		364.751.275.242	119.293.861.530
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	4.751.751.916	4.354.497.572
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35b	(1.737.537.341)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>361.737.060.667</u>	<u>114.939.363.958</u>

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc

Dương Thị Minh Hồng

Nguyễn Thị Thùy Vân

Quách Văn Đức



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 18/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		364.751.275.242	119.293.861.530
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		25.533.977.710	31.178.404.680
03	- Các khoản dự phòng		71.510.206.190	50.397.404.976
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		634.560.183	176.633.667
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(533.550.519.818)	(126.852.871.473)
06	- Chi phí lãi vay		104.890.514.787	68.057.385.494
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.770.014.294	142.250.818.874
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54.206.966.425)	(207.493.027.801)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(173.707.936.294)	209.053.830.247
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		414.481.582.219	270.443.333.363
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(25.478.159.008)	(57.520.957.230)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		1.296.850.000	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(109.884.342.774)	(73.021.064.653)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.745.467.571)	(3.679.944.308)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.436.275.400)	(5.576.899.953)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		76.089.299.041	274.456.088.539
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(337.174.196.200)	(79.595.552.211)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.603.255.344	14.349.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(348.547.816.355)	(52.663.520.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.272.184.287	3.670.455.181
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(427.940.425.516)	(10.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		455.473.950.292	28.640.940.040
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.194.169.155	14.193.651.389
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(584.118.878.993)	(81.404.934.692)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 18/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		40.937.302.880	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		5.609.148.581.203	3.870.038.532.390
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(5.198.503.483.946)	(3.871.246.013.977)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(100.309.020.000)	-
	Cổ tức, lợi nhuận chia trong kỳ (TM VCSH)		(109.060.000.000)	
	Phải trả cổ tức cuối kỳ (TM phải trả khác)		8.750.980.000	
	Phải trả cổ tức đầu kỳ (TM phải trả khác)		-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		351.273.380.137	(1.207.481.587)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(156.756.199.815)	191.843.672.260
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		519.408.426.692	327.140.156.293
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(17.272.994)	424.598.139
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	362.634.953.883	519.408.426.692

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc

Dương Thị Minh Hồng

Nguyễn Thị Thùy Vân

Quách Văn Đức



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 60
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 60

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Tín Nghĩa tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1828/QĐ.UBT ngày 06 tháng 08 năm 1994 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định chuyển đổi Doanh nghiệp số 431-QĐ/TU ngày 19 tháng 10 năm 2004 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc chuyển Công ty Tín Nghĩa thành Công ty TNHH một thành viên Tín Nghĩa. Theo quyết định số 778-QĐ/TU ngày 22 tháng 7 năm 2010, Tỉnh ủy Đồng Nai đã điều chỉnh tên gọi Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tín Nghĩa thành Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4704000007 ngày 03 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3600283394 ngày 18 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 96 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Tịnh	Thành viên
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Ông Huỳnh Phú Kiệt	Thành viên
Bà Nguyễn Hải Tâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Quách Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Phú Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/05/2017
Ông Cao Ngọc Đức	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/02/2017
Ông Nguyễn Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Minh Chương	Trưởng ban
Ông Trần Phạm Việt Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Triền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Quách Văn Đức

Số: 0574/18.004/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa được lập ngày 25 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 60, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Tại Thuyết minh số 26, Tổng Công ty đã công bố việc xử lý tài chính theo Quyết định số 855-QĐ/TU ngày 12/7/2017 của Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá trị thực tế phần vốn Ngân sách Đảng tại thời điểm Tổng Công ty Tín Nghĩa chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần.
- Tại thuyết minh số 46, Tổng Công ty đã công bố về việc số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 18/05/2016 đến ngày 31/12/2016 (đã được kiểm toán) do đây là kỳ kế toán đầu tiên sau khi Tổng Công ty chuyển đổi sang loại hình công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Văn Thảo
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-2018-002-1

Kiểm toán viên


Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.648.578.249.080	2.482.809.605.778
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	686.805.450.514	759.797.673.961
111	1. Tiền		182.676.204.295	579.724.304.986
112	2. Các khoản tương đương tiền		504.129.246.219	180.073.368.975
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	243.190.982.832	104.761.178.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		6.616.661.800	7.913.511.800
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		236.574.321.032	96.847.666.700
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		641.466.652.651	672.883.119.489
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	455.496.303.113	482.308.065.618
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	120.698.938.527	151.729.814.234
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	13.680.000.000	13.563.281.145
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	74.872.028.874	42.362.853.175
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.596.934.243)	(17.413.124.051)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	09	316.316.380	332.229.368
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.038.113.970.446	886.276.141.008
141	1. Hàng tồn kho		1.070.632.294.822	892.288.734.730
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(32.518.324.376)	(6.012.593.722)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.001.192.637	59.091.492.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	9.551.838.592	2.793.745.949
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		21.896.267.669	51.260.512.574
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	7.553.086.376	5.037.234.297
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.313.432.568.882	6.441.714.531.386
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.782.174.825	4.258.625.566
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	1.534.665.925	1.900.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	08	2.390.915.650	2.502.032.316
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(143.406.750)	(143.406.750)
220	II. Tài sản cố định		672.452.298.867	649.000.565.734
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	582.072.911.990	565.333.922.740
222	- Nguyên giá		1.176.728.820.978	1.067.954.833.311
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(594.655.908.988)	(502.620.910.571)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	878.430.875
225	- Nguyên giá		-	1.003.921.000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(125.490.125)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	90.379.386.877	82.788.212.119
228	- Nguyên giá		101.351.463.128	92.213.519.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.972.076.251)	(9.425.307.082)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	602.614.157.698	472.965.146.052
231	- Nguyên giá		1.015.254.541.479	839.738.233.189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(412.640.383.781)	(366.773.087.137)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	4.986.359.005.249	4.491.483.932.263
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		2.293.009.843.767	2.145.210.331.487
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.693.349.161.482	2.346.273.600.776
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	304.587.205.754	384.177.069.864
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		180.025.973.548	93.402.668.761
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.944.894.072	295.106.372.353
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.383.661.866)	(4.331.971.250)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		743.637.726.490	439.829.191.907
261	5. Chi phí trả trước dài hạn	16	346.738.713.862	369.256.611.001
262	6. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	39a	82.390.455.626	68.295.123.200
269	7. Lợi thế thương mại	17	314.508.557.001	2.277.457.706
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.962.010.817.962	8.924.524.137.164

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.989.021.407.875	6.333.855.211.382
310	I. Nợ ngắn hạn		3.242.080.556.373	2.696.258.708.025
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	277.618.846.594	177.652.485.314
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	551.136.065.712	114.080.719.639
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	65.259.503.376	52.549.385.184
314	4. Phải trả người lao động		40.698.829.383	29.131.158.026
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	43.004.670.348	57.633.559.983
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	2.140.913.329	1.857.648.858
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	90.666.229.132	105.264.010.886
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2.156.568.834.736	2.142.822.991.747
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.986.663.763	15.266.748.388
330	II. Nợ dài hạn		3.746.940.851.502	3.637.596.503.357
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	21	141.962.746.192	91.786.684.036
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	2.382.120.787.352	1.997.388.124.810
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	156.794.521.141	230.335.345.821
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	903.205.640.820	1.167.009.359.629
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	39b	154.780.155.997	146.299.989.061
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		8.077.000.000	4.777.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.972.989.410.088	2.590.668.925.782
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	2.972.910.100.951	2.590.668.925.782
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.558.000.000.000	1.517.191.309.011
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.558.000.000.000	1.517.191.309.011
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.634.952.321	5.634.952.321
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		63.992.455.484	53.068.359.204
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(265.584.961.989)	(259.718.887.975)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		9.775.213.265	9.457.275.676
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		26.347.252.626	17.682.143.168
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.128.372.290	4.999.760.399
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		390.372.676.336	80.229.112.523
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		940.344.809	(27.959.797.661)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		389.432.331.527	108.188.910.184
429	11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.179.244.140.618	1.162.124.901.456
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		79.309.137	-
431	1. Nguồn kinh phí		79.309.137	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.962.010.817.962	8.924.524.137.164

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Tăng Trần Tấn Khải

Nguyễn Thị Thùy Vân

Quách Văn Đức



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 18/05/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	9.247.444.285.766	6.580.470.803.281
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29	792.403.016	3.437.617.132
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.246.651.882.750	6.577.033.186.149
11	4. Giá vốn hàng bán	30	8.754.818.671.611	6.141.575.628.102
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		491.833.211.139	435.457.558.047
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	513.966.464.446	66.361.675.659
22	7. Chi phí tài chính	32	138.607.602.492	98.371.600.062
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		121.480.882.611	71.969.461.855
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(12.038.812.083)	8.772.817.109
25	9. Chi phí bán hàng	33	154.856.888.842	89.237.616.989
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	251.275.260.610	150.156.371.167
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		449.021.111.558	172.826.462.597
31	12. Thu nhập khác	35	77.132.409.008	5.916.277.812
32	13. Chi phí khác	36	43.858.915.743	13.594.444.663
40	14. Lợi nhuận khác		33.273.493.265	(7.678.166.851)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		482.294.604.823	165.148.295.746
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	58.055.915.323	34.270.056.918
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	39c	(5.615.165.490)	(5.085.481.372)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		429.853.854.990	135.963.720.200
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		40.421.523.463	27.774.810.016
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		389.432.331.527	108.188.910.184
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	2.500	713

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc

Tăng Trần Tấn Khải

Nguyễn Thị Thủy Vân

Quách Văn Đức



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 18/05/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		482.294.604.823	165.148.295.746
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		105.902.120.811	70.091.209.697
03	Các khoản dự phòng		29.741.231.462	28.490.700.730
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		872.453.775	292.059.871
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(476.136.534.764)	(46.947.234.023)
06	Chi phí lãi vay		121.480.882.611	71.969.461.855
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		264.154.758.718	289.044.493.876
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		67.651.045.930	(189.801.736.226)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(178.343.560.092)	125.040.044.001
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		938.208.950.327	153.738.379.056
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(296.471.294.800)	(96.118.118.152)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		1.296.850.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(124.635.746.818)	(100.417.229.631)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(64.509.293.640)	(29.238.409.414)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.898.410.986)	(5.555.072.025)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		580.453.298.640	146.692.351.485
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(716.535.665.400)	(233.178.853.657)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	5.086.454.536
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(141.441.320.257)	(46.704.940.732)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.963.281.145	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(93.456.866.480)	(8.343.025.378)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		616.134.863.959	8.199.393.533
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27.161.877.732	15.794.774.558
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(306.173.829.301)	(259.146.197.140)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Từ 18/05/2016 đến 31/12/2016 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông thiểu số		42.137.302.880	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.383.338.306.900	5.471.421.366.051
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(8.633.396.182.720)	(5.188.159.469.893)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(139.384.468.115)	(25.385.433.045)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(347.305.041.055)	257.876.463.113
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(73.025.571.716)	145.422.617.458
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		759.797.673.961	613.959.040.548
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		33.348.269	416.015.955
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>686.805.450.514</u>	<u>759.797.673.961</u>

Người lập



Tăng Trần Tấn Khải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy Vân

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2018



Tổng Giám đốc

Quách Văn Đức

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA** (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ đông biểu quyết tán thành, thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông ngày **20** tháng **04** năm **2018** một cách hợp lệ, phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị công ty đối với công ty đại chúng và sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Chương I.

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Đại hội" là Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty.

"Hội đồng" là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;

b) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

c) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;

d) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

e) "Pháp luật" là tất cả các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quy định, Thông tư, Quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Tổng Công ty;

f) "Ngày thành lập" là ngày thành lập Tổng Công ty (07/09/1989);

g) "Người quản lý" là bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty và các vị trí quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) "Người điều hành " là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty;

i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

j) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty;

k) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

l) "Địa bàn kinh doanh" là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

m) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

n) "Đơn vị trực thuộc" là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thuộc Tổng Công ty được thành lập theo quy định của pháp luật và hạch toán độc lập hoặc phụ thuộc Tổng Công ty;

o) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ này.

Chương II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

1. Tên của Tổng Công ty:

Tên viết bằng tiếng Việt Nam:

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: **TIN NGHIA CORPORATION**

Tên viết tắt: **TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

2. Hình thức hoạt động:

a) Tổng Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600283394, do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp;

b) Tổng Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ và hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;

c) Tổng Công ty chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;

d) Tổng Công ty có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty:

Địa chỉ: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251) 3 822 486

Fax: (0251) 3 823 747

Email: info@tinnghiacorp.com.vn

Website: www.tinnghiacorp.com.vn

Trường hợp trụ sở chính của Tổng Công ty chuyển đến địa điểm khác sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty quyết định.

4. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Tổng Công ty:

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty có thể thành lập các Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty:

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57, Điều 58 và Điều 60 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được tính bắt đầu kể từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Tổng Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là cá nhân đại diện cho Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng Công ty, đại diện cho Tổng Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam quá 30 (Ba mươi) ngày. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty:

a) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

b) Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Tổng Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này.

Chương III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

a) Ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty là các ngành, nghề trong hồ sơ nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh và được đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Nhằm đáp ứng phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty, giao Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định thay đổi, bổ sung tăng hay giảm ngành, nghề kinh doanh và được thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Việc thay đổi, bổ sung tăng hay giảm ngành, nghề kinh doanh không làm sửa đổi, bổ sung hay thay đổi nội dung Điều lệ Tổng Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

a) Tổ chức, triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty phù hợp với các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký;

b) Kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông;

c) Tạo môi trường lao động, làm việc an toàn, thân thiện, từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc; Xây dựng và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp;

d) Phát huy tối đa khả năng của từng người lao động, đảm bảo đời sống của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty;

e) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, bảo đảm lợi nhuận cho Tổng Công ty và cổ tức cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng Công ty

1. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Tổng Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị thông qua trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài, nơi có nhu cầu hoạt động kinh doanh phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

4. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV.

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ của Tổng Công ty là **1.558.000.000.000 VNĐ** (Một nghìn, năm trăm năm mươi tám tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành **155.800.000** (Một trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm nghìn) cổ phần phổ thông với mệnh giá là **10.000 VNĐ** (Mười nghìn đồng) một cổ phần;

b) Vốn điều lệ của Tổng Công ty trong trường hợp tăng thêm có thể được góp bằng Đồng Việt Nam hoặc tài sản là ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phải trực tiếp phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Giá trị của tất cả các tài sản này sẽ được định giá bằng Đồng Việt Nam vào thời điểm góp vốn theo các nguyên tắc sau:

Tài sản góp vốn do Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận;

Trường hợp nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị cùng liên

đổi góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời, liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế;

c) Vốn điều lệ của Tổng Công ty được đóng góp trên cơ sở tự nguyện của các cổ đông. Các cổ đông sẽ tự chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của tiền hoặc tài sản góp vốn. Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về nguồn gốc của tiền hoặc tài sản do cổ đông đóng góp;

d) Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Tổng Công ty nếu Tổng Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

- Tổng Công ty mua lại cổ phần đã phát hành thực hiện theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

- Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

e) Trường hợp tăng vốn điều lệ, cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

2. Cổ phần:

a) Tất cả cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này;

c) Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Cổ đông sáng lập:

Tổng Công ty hoạt động trên cơ sở được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nên chỉ có cổ đông phổ thông và không có cổ đông sáng lập theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Chứng nhận cổ phiếu:

a) Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;

b) Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp;

c) Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn 60 (Sáu mươi ngày) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu;

d) Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức chứng nhận cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra;

e) Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty;

f) Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Tổng Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu mới.

2. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Tổng Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này;

b) Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán;

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Tổng Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả cổ phần của Tổng Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp hạn chế về chuyển nhượng cổ phần như quy định tại khoản 3 và 4 Điều này. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần khi cổ phần hóa không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Nếu nhà đầu tư chiến lược không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cổ đông là CBCNV, người lao động thuộc đối tượng mua cổ phần có cam kết thời gian công tác và được mua thêm cổ phần trong số 5% vốn điều lệ khi cổ phần hóa không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 03 (ba) năm kể từ ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Nếu không thực hiện đúng cam kết, vi phạm hạn chế chuyển nhượng theo quy định thì phải bồi thường mọi tổn thất xảy ra theo đúng hợp đồng cam kết và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng Công ty.

7. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

8. Đối với cổ phần được tự do chuyển đổi, cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng Công ty.

9. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Tổng Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

11. Bất kể các quy định nêu trên, cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể được tự do để lại thừa kế, nhưng người được hưởng quyền thừa kế hợp pháp sẽ không tự động trở thành thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Chương V.

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định và được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó.

Chương VI.

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Tổng Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

2. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

5. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty.

2. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 5 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- c) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược trong vòng năm (05) năm theo quy định tại Điều lệ này;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông;
- l) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n) Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- o) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và

nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 6 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính

từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập theo thứ tự ưu tiên trước hết thuộc về Phó Chủ tịch thường trực; trường hợp cả Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình

họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng Công ty;
- c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể Tổng Công ty, giao dịch mua, bán tài sản của Tổng Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

6. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong

bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật

Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Người tham gia ứng cử hoặc được đề cử tham gia Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối

đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Trường hợp Tổng Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Tổng Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp: Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty có ít hơn (05) năm người, Tổng Công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

c) Trường hợp Tổng Công ty là công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng kể từ ngày 01/8/2019 thì thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

e) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

f) Quyết định lựa chọn con dấu và biểu tượng của Tổng Công ty;

g) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

h) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;

i) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

j) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

k) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

l) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m khoản này và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

n) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện phần vốn góp, người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty. Giám sát, chỉ đạo và quyết định mức lương, quyền lợi của những người đó;

p) Đề xuất mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

s) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Tổng Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

t) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

u) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ này quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng Công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Căn cứ nhu cầu, Hội đồng quản trị có thể bầu một hoặc một số thành viên của Hội đồng quản trị làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì một thành viên Hội đồng quản trị (được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền) hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo thứ tự ưu tiên trước hết thuộc về Phó Chủ tịch thường trực) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp cả Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

5. Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch hoặc (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Tổng Công ty nhưng kể từ ngày 01/8/2020 thì Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Tổng Công ty theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

16. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

17. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Tổng Công ty.

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định

của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;
- d) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và của Tổng Công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Chương VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; Trường hợp Tổng giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, trong đó quy định quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ, thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này;

b) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng

Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất và trong phạm vi thẩm quyền quyết định về tài chính, nếu có;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng Công ty cần để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

i) Tuyển dụng lao động;

j) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

l) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm k khoản này và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

m) Vào ngày 10/01 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế hoạch trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

n) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty;

o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty.

5. Tổng giám đốc phải điều hành hoạt động của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty.

6. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bộ máy giúp việc

1. Hợp đồng lao động của những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.

2. Các Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công hoặc ủy quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Tổng Công ty.

4. Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở nhu cầu bố trí nhân sự hoặc đề nghị của Tổng giám đốc Tổng Công ty, là Thủ trưởng điều hành trực tiếp tại các đơn vị đó, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.

5. Các Giám đốc, Phó giám đốc phòng, ban chuyên môn tại Tổng Công ty do Tổng giám đốc bổ nhiệm, là người giúp việc cho Tổng giám đốc thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hằng ngày.

Các Phó giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty do Tổng giám đốc bổ nhiệm trên cơ sở nhu cầu bố trí nhân sự hoặc theo đề nghị của Giám đốc đơn vị đó, là người giúp việc cho Giám đốc đơn vị thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày tại đơn vị.

6. Nhiệm kỳ của các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty là không quá năm (05) năm, nhiệm kỳ của các chức danh khác là không quá ba (03) năm.

Chương IX.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty;
- b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c) Giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương X.

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm của người quản lý Tổng Công ty theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%)

tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty được Tổng Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Tổng Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Tổng Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Chương XII.

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật, của các tổ chức đó và của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty tôn trọng và không cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng Công ty; không cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

3. Tổng Công ty tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng Công ty hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII.

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định, phần còn lại được sử dụng như sau:

- a) Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- b) Chia cổ tức;
- c) Trích lập quỹ dự phòng tài chính;
- d) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty chỉ trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Tổng Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc

chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

5. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

6. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quy định của Tổng Công ty. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

7. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông trên cơ sở các thông tin chi tiết do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về cổ đông do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

9. Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

10. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng Công ty.

11. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Tổng Công ty thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

12. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 47. Thu hồi tiền thanh toán cổ tức

Trường hợp việc thanh toán trả cổ tức trái với quy định tại Điều 46 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường

hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 48. Xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:

- a) Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;
- b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

2. Trường hợp Tổng Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc Luật Phá sản doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc chịu lỗ:

Các cổ đông Tổng Công ty sẽ chịu lỗ tương ứng theo tỷ lệ phần vốn góp của cổ đông vào Tổng Công ty.

Chương XIV.

**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Tổng Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng

năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó (nếu lớn hơn 90 ngày); trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được cộng vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 54. Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin

1. Tổng Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này. Trong thời hạn một trăm hai mươi (120) ngày, kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Tổng Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Tổng Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng

khoản (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

Chương XVI.

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Chương XVII.

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua số lượng, hình thức, kích cỡ, nội dung, màu mực con dấu chính thức của Tổng Công ty.

2. Con dấu là tài sản của Tổng Công ty, được khắc theo quy định của pháp luật và được thực hiện thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng

tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng quy định.

3. Tổng Công ty chỉ sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

4. Tổng Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

5. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Tổng Công ty, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu của Tổng Công ty được giải quyết tại Tòa án.

6. Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm và quyết định trong việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII.

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 57. Tổ chức lại

1. Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại Tổng Công ty theo các hình thức sau:

- a) Chia doanh nghiệp;
- b) Tách doanh nghiệp;
- c) Hợp nhất doanh nghiệp;
- d) Sáp nhập doanh nghiệp;
- e) Chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức lại Tổng Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan.

Điều 58. Các trường hợp và điều kiện giải thể

1. Tổng Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ (nếu có) mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tổng Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Người quản lý Tổng Công ty có liên quan đến việc giải thể chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể Tổng Công ty.

4. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người có liên quan quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư.

5. Trình tự, thủ tục giải thể Tổng Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Thuế và các khoản khác nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

4. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 60. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương XIX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hay Điều lệ này, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Tổng Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác của Tổng Công ty.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải quyết tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX.

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động, nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thể đề nghị việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ.

2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

**Chương XXI.
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 63. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 Chương, 63 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) Một (01) bản nộp tại Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai;
- b) Một (01) bản giữ tại Văn phòng Hội đồng quản trị;
- c) Một (01) bản giữ tại Ban Kiểm soát;
- d) Bảy (07) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Tổng Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải được đóng dấu sao y của Tổng Công ty và ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Tổng Công ty hoặc người được Tổng giám đốc Tổng Công ty phân công, ủy quyền mới có giá trị.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty, được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Doanh nghiệp như dưới đây và thay thế cho bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/05/2016./.

**Biên Hòa, ngày 20 tháng 04 năm 2018
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Chủ tịch HĐQT**

Quách Văn Đức

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHĐCĐ
ngày / / 2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017; Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

2. Để thực thi một chính sách rõ ràng về quản trị công ty và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Tổng Công ty, Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Tổng Công ty.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

- (1) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
- (2) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- (3) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- (4) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm kiểm soát viên;
- (5). Quy trình, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng Công ty;
- (6). Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
- (7) Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ
- (8). Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- (9). Quy định về ngăn ngừa xung đột lợi ích.

(10). Quy định báo cáo và công bố thông tin.

3. Quy chế được áp dụng đối với Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

4. Quy chế được áp dụng đối với phạm vi các đối tượng là cổ đông, Người quản lý, Ban Kiểm soát.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng Công ty.

Quản trị công ty gồm những nội dung chính:

- Quản trị công ty là một hệ thống các mối quan hệ, được xác định bởi các cơ cấu và các thủ tục, quy trình;

- Những mối quan hệ này liên quan tới các bên có các lợi ích khác nhau, đôi khi là những lợi ích xung đột;

- Tất cả các bên đều liên quan đến việc định hướng và kiểm soát Công ty;

- Tất cả những điều này đều nhằm phân chia quyền lợi và trách nhiệm một cách phù hợp và qua đó làm tăng giá trị lâu dài của các cổ đông.

b. “Tổng Công ty”: là Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.

c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty thông qua ở từng thời điểm.

d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Tổng Công ty.

đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty.

e. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng Giám đốc, chủ sở hữu trên năm phần trăm (5%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Công ty mẹ, công ty con;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

f. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6, Điều 2 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017: không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

g. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện sau:

- Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm;

- Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Tổng công ty;

- Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất;

- Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

h. "Cán bộ quản lý": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

i. “Ban điều hành”: là Tổng Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3: Các nguyên tắc quản trị

1. Các nguyên tắc quản trị công ty quy định về những thông lệ quản trị của Tổng công ty nhằm giúp cho cơ cấu quản trị của Tổng Công ty được minh bạch và thể hiện sự cam kết của Tổng Công ty trong việc quản trị công ty hiệu quả và thực hiện việc xây dựng và đẩy mạnh:

- Một mô hình quản lý có trách nhiệm dựa trên các giá trị đạo đức kinh doanh.

- Một Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý phục vụ những lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và các cổ đông, bao gồm các cổ đông nhỏ lẻ và tìm cách làm gia tăng giá trị cho các cổ đông một cách bền vững.

- Việc công khai thông tin một cách phù hợp và đảm bảo tính minh bạch cũng như một hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ hiệu quả.

2. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm đối với xã hội;
- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi cổ đông;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Tổng Công ty;
- Hội đồng quản trị định hướng và giám sát; Ban kiểm soát kiểm soát Tổng Công ty có hiệu quả.

Điều 4: Quy tắc đạo đức ứng xử

Trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng đạo đức kinh doanh, Tổng Công ty xác định các quy tắc đạo đức ứng xử như sau:

1. Định hướng cơ bản về cách ứng xử là nói lên trách nhiệm và bổn phận của các cấp quản lý và nhân viên của Tổng Công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm các nhân viên, khách hàng, đối tác kinh doanh, cổ đông, người tiêu dùng, pháp luật, các cơ quan nhà nước và cộng đồng xã hội.

2. Mục tiêu thực hiện quy tắc đạo đức ứng xử:

- Nâng cao uy tín của Tổng Công ty: Tổng Công ty thể hiện các giá trị cốt lõi mà Tổng công ty tin tưởng vào các thông lệ tốt trong kinh doanh.
- Cải thiện năng lực quản lý rủi ro và đối phó khủng hoảng: Quy tắc đạo đức khuyến khích nhân viên phát hiện và phản ứng trước những vấn đề liên quan tới đạo đức nghề nghiệp, từ đó cung cấp tầm nhìn về các vấn đề tiềm ẩn về các rủi ro hoặc khủng hoảng.
- Xây dựng văn hóa Tổng Công ty và đề cao giá trị Tổng Công ty: Quy tắc đạo đức ứng xử được xây dựng và truyền đạt đến toàn bộ nhân viên, góp phần xây dựng một môi trường văn hóa gắn kết, dựa trên các giá trị chung, giúp định hướng cho các nhân viên trong công việc hàng ngày.
- Tăng cường giao tiếp giữa các bên có quyền lợi liên quan: Quy tắc đạo đức ứng xử truyền đi thông điệp của Tổng Công ty về sự cam kết của mình đối với việc tuân thủ đạo đức và chứng minh rằng những vi phạm nếu có chỉ là ngoại lệ và hiếm xảy ra.
- Tránh tranh chấp và kiện tụng: Quy tắc đạo đức ứng xử kết hợp với một chương trình thực hiện quy tắc đạo đức hiệu quả, góp phần giảm thiểu rủi ro liên quan đến tranh chấp và kiện tụng bắt nguồn từ sự gian lận, xung đột lợi ích, tham nhũng, hối lộ và giao dịch nội gián.

3. Xác lập, thực thi Quy tắc ứng xử tại Tổng Công ty:

- Hội đồng quản trị chỉ đạo xây dựng, thông qua và tổ chức thực hiện Bộ quy tắc ứng xử.
- Bộ quy tắc ứng xử có các nội dung chủ yếu dựa trên các giá trị cốt lõi mà Tổng Công ty khẳng định;
- Bộ quy tắc ứng xử được phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên nhằm mục đích để toàn bộ nhân viên thấu hiểu và hành động theo tinh thần của Bộ Quy Tắc.
- Bộ quy tắc ứng xử có thể bao gồm nhiều bộ quy tắc ứng xử thành phần được xác lập riêng biệt cho từng bên có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông:

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định có liên quan khác của pháp luật Việt Nam. Quyền của Cổ đông được quy định tại Điều 12 Điều lệ Tổng Công ty. Trong đó một số quyền quan trọng được quy định cụ thể như sau:

a. *Quyền được thông tin đầy đủ theo định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động của Tổng Công ty:* Cơ chế cung cấp thông tin về nội dung thông tin được cung cấp cho cổ đông được quy định tại Chương X của Quy chế này.

b. *Quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ:* Trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại đến Tổng Công ty thì HĐQT, BKS, bộ máy quản lý phải đền bù cho Tổng Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Tổng Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

c. *Quyền khởi kiện nhân danh Tổng Công ty:* Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 1% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất 6 tháng liên tục có quyền yêu cầu BKS khởi kiện vụ án dân sự đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

+ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không thực hiện *đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị; Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;*

+ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

+ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

+ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đã lưu giữ, sử dụng con dấu nhằm mục đích tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông nói trên, BKS không trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.

Trường hợp BKS không khởi kiện theo quy định tại Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông nói trên có quyền trực tiếp khởi kiện Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.”

d. *Quyền được nhận cổ tức:* Cổ đông được quyền nhận cổ tức theo chính sách cổ tức của Tổng Công ty được quy định tại Quy chế này.

e. *Quyền ưu tiên đối với cổ phần chào bán:* cổ đông có quyền ưu tiên mua đối với cổ phần chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công ty.

2. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

a. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu của Tổng Công ty. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty.

b. Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Tổng Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông lớn trong Tổng Công ty:

1. Ngoài các quyền cơ bản của cổ đông, Cổ đông lớn (trong trường hợp không có đại diện trúng cử HĐQT) có quyền liên lạc thường xuyên với Tổng Công ty theo cơ chế thông tin với cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích chính đáng và được pháp luật bảo hộ của Tổng Công ty và của các cổ đông khác.

Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Đối xử công bằng giữa các cổ đông là một trong các vấn đề cốt lõi của nguyên

tác quản trị Tổng Công ty. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông là người nước ngoài thông qua việc bảo vệ bằng các quyền của cổ đông được quy định trong Điều lệ, quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Cổ đông nhỏ lẻ được bảo vệ quyền lợi của mình thông qua hành động tập thể. Hành động tập thể là một nhóm các cổ đông thiểu số, không có được một quyền nào đó khi đứng riêng rẽ, có thể kết hợp lại với nhau để có được số phiếu biểu quyết ở một mức độ nhất định để cùng nhau có quyền đó.

3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông còn được đảm bảo bằng hệ thống thông tin liên lạc hiệu quả với cổ đông, được quy định cụ thể tại Quy chế này.

Điều 8: Chính sách cổ tức của Tổng Công ty

1. Quyền nhận cổ tức:

Cổ tức là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Tổng Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính. Nhận cổ tức là một trong các quyền của cổ đông.

2. Phương thức thanh toán cổ tức:

- Cổ tức được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phần của Tổng Công ty. Việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức phải được ĐHĐCĐ phê chuẩn. HĐQT phải trình ĐHĐCĐ ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu cùng với báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận và thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu 10 (mười) ngày làm việc trước khi thực hiện phát hành.

3. Thủ tục và trình tự chi trả cổ tức:

- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và các kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty, HĐQT có trách nhiệm đề xuất mức cổ tức và phương thức chi trả cổ tức hàng năm đối với từng loại cổ phần để trình ĐHĐCĐ phê chuẩn.

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua mức cổ tức hàng năm đối với mỗi loại cổ phần nhưng không được vượt mức do HĐQT đề xuất.

- Căn cứ vào sự phê chuẩn của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ quyết định và thông báo về mức cổ tức, số lần cổ tức được chi trả trong năm.

- Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức căn cứ vào sổ đăng ký cổ đông hoặc danh sách cổ đông của Trung Tâm Lưu ký chứng khoán tại ngày chốt quyền nhận cổ tức. Ngày chốt quyền nhận cổ tức sẽ do HĐQT quyết định.

- Thực hiện công bố thông tin về việc chi trả cổ tức: Loại cổ phần, tỷ lệ cổ tức, ngày chốt quyền, thời gian và thủ tục thanh toán cổ tức.

- Thực hiện chi trả cổ tức theo công bố.

4. Các nội dung khác:

Các nội dung khác của chính sách cổ tức bao gồm:

- Lợi nhuận dùng để phân phối;
- Các vấn đề liên quan đến cổ phần ưu đãi (nếu có), gồm cổ tức cố định, cổ tức thưởng.
- Mức chi trả đề xuất (cố định hoặc biến đổi), mức cổ tức chi trả giữa kỳ.
- Thời gian, địa điểm chi trả.
- Phương thức thanh toán cổ tức bằng tài sản (nếu có).
- Điều kiện chi trả và các trường hợp không chi trả cổ tức.

Các nội dung này do HĐQT quyết định trong tài liệu chính sách cổ tức. Chính sách cổ tức có thể được thay đổi vào bất kỳ lúc nào tùy theo quyết định của HĐQT.

Điều 9. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Trình tự, thủ tục tổ chức và triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 18 Điều lệ. Tổng Công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty quy trình nội bộ về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm họp thích hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ.

3. Các bước chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18, Điều 19 Điều lệ.

Các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:

a. Dự thảo chương trình và nội dung họp:

- Chương trình họp và nội dung họp sẽ xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- Trong khoảng thời gian trước khi đưa ra quyết định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ xem xét tất cả các kiến nghị, chính thức hoặc không chính thức do cổ đông đề xuất để đưa vào chương trình họp.
- Việc chuẩn bị tài liệu cho các thành viên HĐQT phải đảm bảo đủ thời gian xem xét, quyết định và đáp ứng quy định về quy trình làm việc của HĐQT.

b. Đưa ra quyết định sơ bộ

HQĐT đưa ra các quyết định sơ bộ về những vấn đề sau đây trong việc chuẩn bị cuộc họp ĐHĐCĐ:

- Nội dung, chương trình Đại hội;
- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ: HĐQT sẽ quyết định ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn theo quy định tại Điều 18 Điều lệ. Trong đó, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ cho phép các cổ đông có thể tham dự họp, đảm bảo có đủ chỗ cho cổ đông tham dự. Số lượng cổ đông sẽ tham dự và kế hoạch cụ thể về địa điểm tổ chức

họp ĐHĐCĐ được HĐQT dự tính trước.

- Các thủ tục liên quan đến việc thông báo cuộc họp, danh sách các tài liệu và ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng: ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng được xác định là ngày cổ đông được đăng ký vào sổ cổ đông của Tổng Công ty và được quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ như theo quy định tại Điều 18 Điều lệ.

c. Lập danh sách cổ đông

- Danh sách cổ đông được xác lập với mục đích xác định các cổ đông được quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông cần bao gồm thông tin về tất cả các cổ đông đã được đăng ký tại ngày đăng ký cuối cùng, bao gồm:

+ Họ và Tên; Địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

+ Số lượng cổ phần từng loại;

+ Số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông;

+ Địa chỉ thư điện tử (nếu có).

• Tổng Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông.

• Người phụ trách quản trị Tổng Công ty sẽ giúp cổ đông xác minh thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền xác minh tính chính xác của thông tin trên Sổ Đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ.

• HĐQT có thể sửa chữa, bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông).

d. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ

Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 18 Điều lệ, cụ thể như sau:

• Cách thức gửi thư mời họp: Cách thức thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 18 Điều lệ. Thông báo mời họp có thể được gửi qua các hình thức (i) gửi qua thư điện tử và đăng tải trên trang thông tin điện tử - website của Tổng Công ty; (ii) công bố công khai trên các phương tiện truyền thông có số lượng lớn độc giả; (iii) đăng tải trên các báo ra ở Trung ương hoặc địa phương nơi Tổng Công ty đóng trụ sở chính ít nhất 03 (ba) số báo liên tiếp.

• Thông tin trong thông báo mời họp: Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải bao

gồm đầy đủ các thông tin để hướng dẫn cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm:

- + Tên và địa chỉ Tổng Công ty;
- + Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty;
- + Thời gian và địa điểm họp;
- + Tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
- + Ngày đăng ký cuối cùng;
- + Chương trình nghị sự;
- + Mẫu giấy ủy quyền;
- + Phiếu biểu quyết và tài liệu thảo luận; dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- + Thông tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;
- + Thủ tục để nhận được các thông tin cơ bản;
- + Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;
- + Người được Tổng Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của cổ đông về những sai sót trong việc đăng ký dự họp;
- + Địa chỉ liên lạc và thông tin về người mà cổ đông sẽ gửi chỉ dẫn biểu quyết bằng văn bản tới.

• Thông tin và tài liệu họp ĐHĐCĐ: Thông tin và tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ cần cung cấp cho cổ đông khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, bao gồm:

- + Báo cáo thường niên và báo cáo tài chính hàng năm;
- + Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
- + Báo cáo của bộ phận kiểm soát (Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ);
- + Báo cáo hoạt động của HĐQT;
- + Dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổng công ty, dự thảo Điều lệ mới (nếu có);
- + Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên;
- + Thông tin về các ứng viên được đề cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát;
- + Thư chấp nhận của các ứng viên được đề cử vào HĐQT và Ban Kiểm soát;
- + Ý kiến của HĐQT đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các ý kiến không tán thành (nếu có);

• Cách thức gửi phiếu biểu quyết: Cách thức gửi phiếu biểu quyết được quy định tại Khoản 4 Điều 19 Điều lệ hoặc theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết, bầu cử của HĐQT gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

e. Thông qua chương trình và nội dung cuộc họp.

- Xác định các cổ đông có quyền kiến nghị đưa ra các vấn đề vào nội dung chương trình họp: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp thông qua cơ chế liên lạc thường xuyên với cổ đông lớn.

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông lập yêu cầu bổ sung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản gửi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị bằng cách gửi thư hoặc gửi trực tiếp tại quầy Lễ tân của Văn phòng Tổng Công ty ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội dự kiến. Yêu cầu phải nêu rõ thông tin:

- Tên cổ đông;
- Số lượng cổ phần, loại cổ phần sở hữu,
- Số và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng Công ty;
- Vấn đề kiến nghị cần bổ sung vào chương trình họp; lý do đưa ra kiến nghị và các bằng chứng chứng minh cho yêu cầu, kiến nghị của cổ đông;
- Chữ ký của cổ đông

Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.

+ HĐQT có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều 18 Điều lệ. Ngoài ra, HĐQT cũng có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông nếu kiến nghị đó không tuân thủ quy định pháp luật;

- HĐQT sẽ đưa các vấn đề do cổ đông kiến nghị hợp lệ (không bị từ chối) vào thành các nội dung riêng biệt trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

- Trường hợp từ chối kiến nghị, Hội đồng Quản trị phải trả lời cho cổ đông bằng văn bản trước ngày dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề từ chối và lý do từ chối.

- Các vấn đề sẽ được đưa vào chương trình họp bao gồm:

- + Thông qua mức cổ tức của từng loại cổ phần;
- + Thông qua báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty;
- + Thông qua báo cáo của HĐQT và báo cáo của Ban Kiểm soát;
- + Các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

f. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ

HĐQT phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết về những vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ;

Điều 10. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ thường niên được quy định tại Điều 20 Điều lệ. Các bước tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ cụ thể được quy định bổ sung như sau:

1. Đăng ký dự họp ĐHĐCĐ

Việc đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ, cụ thể như sau:

- Thư ký Tổng Công ty hoặc một bộ phận/cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ.
- Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành một cách hợp lệ.
- Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
- Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến HĐQT chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.
- Việc kiểm tra tư cách đại biểu, điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 20 Điều lệ. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký doanh nghiệp, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).
- Việc đăng ký cổ đông được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu:

- Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ. Cụ thể, Người phụ trách quản trị Tổng công ty hoặc một bộ phận, cá nhân được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng cổ đông dự cuộc họp đáp ứng tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

3. Khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

- Khi đạt được đủ số lượng thành viên dự họp tối thiểu được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT tuyên bố khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ. Trong trường hợp bầu chủ tọa, tên các ứng viên được đề cử và số phiếu bầu sẽ được công bố và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ đề cử một số người làm thư ký cuộc họp để ghi biên bản họp ĐHĐCĐ.

4. Bầu Ban Kiểm phiếu:

- Chủ tọa yêu cầu ĐHĐCĐ bầu Ban Kiểm phiếu tại mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ.

- Điều kiện của các thành viên Ban Kiểm phiếu bao gồm:

+ Một trong số các thành viên Ban Kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận pháp chế của Tổng công ty;

+ Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên HĐQT;

+ Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành và ứng cử viên thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành.

+ Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

+ Thành viên Ban Kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

- Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và bằng bản cứng tại văn phòng trụ sở chính của Tổng Công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.

- Chủ tọa cuộc họp chỉ định người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với Tổng Công ty. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu.

- Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền:

+ Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế biểu quyết, bầu cử.

+ Báo cáo chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu (nếu có).

5. Khách mời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ

- Kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến về các vấn đề kiểm toán và các vấn đề liên quan đến việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Ngoài ra, HĐQT có thể mời các chủ nợ, các nhà đầu tư tiềm năng, cán bộ công nhân viên, các cơ quan nhà nước, nhà báo, các chuyên gia và các cá nhân và tổ chức khác không sở hữu cổ phần của Tổng Công ty tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ. HĐQT có Nghị quyết thông qua thành phần khách mời khi triệu tập ĐHĐCĐ.

6. Công bố chương trình và thể lệ cuộc họp:

- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ trình bày nội dung chương trình họp đến các đại biểu, cần thiết giải thích trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điều 22 Điều lệ. Nội dung chương trình họp phải được xác định chi tiết và thời gian thảo luận cho từng vấn đề. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay sau khai mạc. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp.

- Đối với trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ thì quyết định của chủ tọa mang tính phán quyết cao nhất theo quy định tại khoản 8 Điều 22 Điều lệ.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự

Việc thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ phải tuân thủ theo những nguyên tắc sau:

- Tạo cơ hội cho cổ đông (i) đặt câu hỏi với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Kiểm toán độc lập và nhận được các câu trả lời rõ ràng (ii) có thể đưa ra quyết định trên cơ sở những thông tin đầy đủ và không thiên lệch đối với tất cả các vấn đề được đưa ra trong cuộc họp.

- Các câu hỏi của cổ đông đặt ra cần được trả lời ngay. Nếu một câu hỏi nào đó, không được trả lời ngay, Tổng Công ty cần có văn bản trả lời ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, các tiểu ban HĐQT (nếu có), Kiểm toán viên độc lập, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cần phải có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp vắng mặt, chủ tọa của ĐHĐCĐ cần giải thích rõ nguyên nhân vắng mặt của họ.

- Những người quản lý của Tổng Công ty cần được phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ, khi có yêu cầu.

- Chủ tọa ĐHĐCĐ chỉ được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

- Thông thường việc biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu kín. Các trường hợp biểu quyết công khai phải được ĐHĐCĐ quyết định tại từng thời điểm.

- HĐQT sẽ xây dựng và thông qua Quy chế biểu quyết, bầu cử căn cứ theo quy chế này.

- Thẻ biểu quyết bao gồm các thông tin:

+ Tên và địa chỉ Tổng công ty;

+ Loại cuộc họp ĐHĐCĐ (thường niên hay bất thường);

- + Thời gian và địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ;
- + Các vấn đề cần biểu quyết được sắp xếp theo trình tự trong chương trình nghị sự;
- + Các lựa chọn biểu quyết “đồng ý”, “Không đồng ý”, hoặc “không có ý kiến” đối với từng vấn đề cần biểu quyết.
- + Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát, tên của từng ứng viên.
- + Hạn cuối gửi các thẻ biểu quyết đã được điền đến Tổng Công ty (nếu các thẻ biểu quyết này phải gửi đến Tổng Công ty);
- + Địa chỉ gửi các thẻ biểu quyết đã được điền đến Tổng Công ty (nếu các thẻ biểu quyết này phải gửi đến Tổng Công ty);
- + Giải thích về việc bầu dồn phiếu với nội dung như sau: “Khi thành viên HĐQT, thành viên BKS được bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, cổ đông có thể dùng tất cả số phiếu biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên”;
- + Thẻ biểu quyết phải được ghi rõ số lượng cổ phiếu mà mỗi cổ đông có thể bỏ phiếu quyết định về từng vấn đề;
- + Thẻ biểu quyết cần có ô trống để cổ đông có thể điền số phiếu biểu quyết mà họ dành cho mỗi ứng cử viên;
- + Hướng dẫn cổ đông cách thức điền vào thẻ biểu quyết: nếu cá nhân đại diện cho cổ đông là tổ chức thì phải điền vào thẻ biểu quyết đầy đủ họ, tên chức vụ của cá nhân đó và tên đầy đủ của tổ chức mà cá nhân đó đại diện.

Trường hợp này, đính kèm thẻ biểu quyết bản sao giấy ủy quyền và cá nhân đại diện phải ký tên vào thẻ biểu quyết.

9. Kiểm phiếu và ghi lại kết quả kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu. Tất cả các thành viên trong Ban Kiểm phiếu phải ký tên trên biên bản kiểm phiếu.
- Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chi tiết sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty; số và ngày cấp giấy đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp;
 - + Địa điểm cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Thời gian họp ĐHĐCĐ;
 - + Loại cuộc họp ĐHĐCĐ (thường niên hay bất thường);
 - + Chương trình và nội dung cuộc họp
 - + Hình thức biểu quyết;
 - + Họ và tên của các thành viên Ban Kiểm phiếu;

- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu phát ra, thu về;
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu;
- + Kết quả biểu quyết phải ghi rõ tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Ngày lập Biên bản kiểm phiếu;
- + Thời gian bắt đầu kiểm phiếu, trong trường hợp quyết định được ĐHĐCĐ thông qua và kết quả kiểm phiếu phải được công bố trong cuộc họp.

10. Công bố kết quả kiểm phiếu và quyết định của ĐHĐCĐ

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa/Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến của từng vấn đề.

11. Bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

Chủ tọa họp ĐHĐCĐ tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi: (i) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết và (ii) Kết quả kiểm phiếu đã được công bố.

12. Lưu phiếu biểu quyết

Sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ, Ban Kiểm phiếu phải đảm bảo rằng tất cả các thẻ biểu quyết và các văn bản hướng dẫn biểu quyết đều được đóng dấu và bỏ vào hòm phiếu. Toàn bộ tài liệu sẽ được thư ký Tổng Công ty lưu theo chế độ bảo mật theo quy định về lưu trữ của Tổng Công ty.

13. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ

- Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm lập biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ. Chủ tọa và Thư ký lập biên bản ĐHĐCĐ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Ngoài ra, Biên bản họp ĐHĐCĐ còn phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- + Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
- + Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty được thay thế cho việc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc ĐHĐCĐ theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ.
- + Biên bản họp ĐHĐCĐ phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải có các thông tin:
 - + Tên của Chủ tọa, Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - + Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

- + Các quyết định đã được thông qua tại cuộc họp;
- + Thời gian bắt đầu và kết thúc cuộc họp;
- + Địa chỉ nhận thư của Tổng Công ty nơi mà các cổ đông gửi các phiếu biểu quyết đã được điền trong trường hợp Tổng Công ty gửi thẻ biểu quyết đến cổ đông trước ngày họp ĐHĐCĐ;
- + Ngày lập Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- Các tài liệu có liên quan phải được lưu trữ kèm theo biên bản họp ĐHĐCĐ tại trụ sở chính của Tổng Công ty bao gồm:
 - + Danh sách cổ đông đăng ký dự họp;
 - + Toàn văn Nghị quyết đã được thông qua tại cuộc họp;
 - + Tài liệu có liên quan kèm theo Thông báo mời họp;
 - + Văn bản ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 11: Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ bất thường

Các trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường được quy định tại khoản 5 Điều 14 Điều lệ.

2. Chuẩn bị họp ĐHĐCĐ bất thường

- Trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ bất thường, bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 6 Điều 14 Điều lệ;
- HĐQT có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - + Yêu cầu họp ĐHĐCĐ bất thường không phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - + Cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu không sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho tỷ lệ biểu quyết theo yêu cầu được quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ;
 - + Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất thường;

3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường được quy định tại Điều 18, điều 19 và điều 20 Điều lệ;

4. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ.

Điều 12: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ.

1. Các quyết định phải được thông qua với tỷ lệ biểu quyết theo quy định tại Điều 21 Điều lệ.

2. Các quyết định liên quan đến việc phát hành các loại chứng khoán phải phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ. Các trường hợp khác sau đây cần phải được có sự cẩn trọng vì có thể dẫn tới việc hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ:

- Không thông báo mời họp kịp thời tới tất cả các cổ đông;
- Không cho cổ đông cơ hội được tiếp cận với các tài liệu họp ĐHĐCĐ;
- Các nội dung có trong Nghị quyết mà không có trong chương trình nghị sự đã diễn ra trong thực tế.

Điều 13: Báo cáo của HĐQT và của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT:

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Điều lệ. Báo cáo phải đảm bảo tối thiểu có các nội dung sau:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động của HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và thành viên Ban Điều hành khác;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai;

2. Báo cáo hoạt động của BKS:

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Điều lệ. Báo cáo phải đảm bảo tối thiểu có các nội dung sau:

- Hoạt động của HĐQT;
- Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty;
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban Điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, bộ máy Ban điều hành và các cổ đông;

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14: Thẩm quyền của HĐQT

Thẩm quyền, trách nhiệm và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều 29 Điều lệ. HĐQT có thẩm quyền đưa ra các quyết định trong những lĩnh vực được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ, cụ thể ở 4 (bốn) nhóm chính như sau:

- Giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động quản lý, tuyển chọn và giám sát Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao.

- Tổ chức họp ĐHĐCĐ;
- Vốn điều lệ và tài sản của Tổng Công ty;
- Công bố thông tin và tính minh bạch của thông tin.

1. Giám sát chiến lược và kiểm soát hoạt động quản lý, tuyển chọn và giám sát Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao.

- Giám sát việc xây dựng các định hướng chiến lược và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty;

- Ban hành các quy chế của Tổng Công ty nhằm đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ:

- + Quy định các thủ tục chi tiết đối với Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong việc xin phép thực hiện những giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính của Tổng công ty;

- + Quy định cơ cấu bộ máy quản lý, quyền, nghĩa vụ của bộ máy quản lý và trách nhiệm phải gánh chịu trong những trường hợp hành động vượt quá thẩm quyền.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao, phê chuẩn các điều kiện của hợp đồng lao động và quyết định mức thù lao của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao theo quy định tại điểm o khoản 2 điều 27 Điều lệ.

- Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao theo quy định tại khoản 4 điều 27 Điều lệ; HĐQT quy định trách nhiệm giám sát cụ thể cho các tiểu ban của HĐQT (nếu có) phù hợp với lĩnh vực phụ trách. Các nội dung giám sát cụ thể sau:

- + Thành tích chung của Tổng công ty, đặc biệt trong sự so sánh với các đối thủ cạnh tranh;

- + Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan đến quản trị Tổng Công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ và vấn đề về đạo đức kinh doanh;

- + Thành tích của bộ máy quản lý ở cấp độ nhóm và cấp độ cá nhân;

- + Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty;

- + Các chỉ tiêu tiếp thị và kinh doanh của Tổng Công ty;
- + Các kết quả tài chính của Tổng Công ty;
- + Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả các cổ đông, cán bộ nhân viên, các nhà cung cấp và khách hàng của Tổng Công ty.

Trừ khi có quyết định khác của HĐQT, Cán bộ quản lý cấp cao phải gửi Tổng Giám đốc báo cáo tự đánh giá. Tổng Giám đốc sẽ cho ý kiến và gửi các báo cáo này đến HĐQT lấy ý kiến thông qua.

Báo cáo được lập theo định 6 tháng/lần (cuối quý 2 và quý 4 năm tài chính). Báo cáo được HĐQT thông qua theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Thời gian gửi báo cáo cho HĐQT phải tuân thủ theo các quy định về họp và lấy ý kiến của HĐQT được quy định trong quy chế này. Nội dung báo cáo bao gồm và không giới hạn ở việc giám sát tổ chức thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, các kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, các công tác, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo quy định tạo Điều lệ, quy chế quản trị Tổng Công ty.

- Thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT: khi cần thiết, HĐQT sẽ xem xét thành lập các Tiểu Ban trực thuộc có đủ năng lực để chuyên nghiệp hóa các hoạt động của HĐQT.

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty: HĐQT chịu trách nhiệm bổ nhiệm và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty theo quy định tại Điều 32 Điều lệ;

- Thông qua các tài liệu nội bộ: HĐQT có trách nhiệm thông qua các tài liệu nội bộ trừ các tài liệu thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Cụ thể bao gồm:

+ Quy chế hoạt động và hướng dẫn nội bộ dành riêng cho mỗi Tiểu ban thuộc HĐQT được thành lập, nếu có;

+ Tài liệu hướng dẫn việc bầu chọn các thành viên HĐQT, BKS theo phương thức bầu dồn phiếu;

+ Quy định về việc công bố thông tin phù hợp với các quy định của luật pháp;

+ Quy tắc ứng xử;

+ Chính sách cổ tức;

+ Chính sách bảo mật thông tin;

+ Các quy định liên quan đến kiểm soát và rà soát, chính sách quản lý giao dịch với Người có liên quan;

+ Quản lý rủi ro;

+ Kiểm toán các hoạt động tài chính và kinh doanh của Tổng công ty;

+ Người phụ trách quản trị Tổng công ty;

+ Các tài liệu khác.

- Thông qua quy tắc Quản trị Tổng Công ty hiệu quả: HĐQT có trách nhiệm đảm bảo thông qua các quy tắc quản trị Tổng công ty hiệu quả để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

2. Đảm bảo quyền lợi cổ đông

- HĐQT có trách nhiệm trong việc tổ chức ĐHĐCĐ được quy định cụ thể tại Điều 9, điều 10, điều 11 và điều 12 của Quy chế này.

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng chính sách cổ tức để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông;

- HĐQT sẽ chủ trì trong việc ngăn ngừa và giải quyết các xung đột giữa cổ đông và Tổng công ty. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống tuân thủ các quy trình, thủ tục và cơ chế giám sát, hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các xung đột.

3. Tài sản và vốn điều lệ

- Thâm quyền của HĐQT đối với tài sản và vốn điều lệ được quy định tại điều 27 Điều lệ;

4. Kiểm soát công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch.

- HĐQT sẽ phê duyệt trước các báo cáo tài chính đã được kiểm toán và gửi đến BKS để thẩm định trước khi trình ĐHĐCĐ.

- HĐQT có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo về công tác quản lý và tình hình hoạt động của Tổng Công ty trình ĐHĐCĐ thường niên;

- HĐQT chịu trách nhiệm thông qua các báo cáo sự kiện quan trọng. Việc công bố các thông tin quan trọng này theo quy định tại Quy chế này.

- HĐQT sẽ thiết lập một cơ chế đảm bảo việc xây dựng một hệ thống đánh giá và kiểm soát rủi ro. Cụ thể:

+ Thông qua chính sách, quy trình và thủ tục quản lý rủi ro và đảm bảo tuân thủ các thủ tục này và đảm bảo thông tin kịp thời đầy đủ cho HĐQT.

+ Thường xuyên phân tích, đánh giá và cải thiện hiệu quả của chính sách, trình tự, thủ tục quản lý rủi ro;

+ Xây dựng các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích Bộ máy quản lý, các phòng, ban và nhân viên Tổng Công ty áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ.

+ Khi cần thiết, HĐQT thành lập Tiểu ban Quản lý rủi ro.

Điều 15: Thành phần, cơ cấu HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 26 Điều lệ và được quyết định dựa trên các yêu cầu của pháp luật, nhu cầu cụ thể của Tổng Công ty và cổ đông trong từng thời kỳ.

2. Cơ cấu HĐQT

- Cơ cấu HĐQT theo quy định tại Điều 26 Điều lệ. HĐQT bao gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT. Khi cần thiết, HĐQT sẽ thành lập các tiểu ban phụ trách các lĩnh vực cụ thể theo Nghị quyết của HĐQT tại từng thời điểm.

- Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 29 Điều lệ. Chủ tịch HĐQT được bầu theo nguyên tắc quá bán.

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ.
- Nhiệm kỳ được tính theo thời gian mà thành viên đó tham gia một HĐQT cụ thể.

- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT đó.

4. Các dạng thành viên HĐQT

- Các thành viên HĐQT được phân loại như sau:
+ Theo tính điều hành: Thành viên HĐQT tham gia điều hành và thành viên HĐQT không tham gia điều hành;
+ Theo tính độc lập: Thành viên HĐQT không điều hành có thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không độc lập.

Thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý, điều hành nào trong Tổng công ty. Thành viên HĐQT không điều hành phải đảm bảo các phẩm chất sau:

- + Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
 - + Phán quyết chuẩn xác;
 - + Kỹ năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm kiếm cái mới;
 - + Kỹ năng giao tiếp tốt.
- Thành viên HĐQT độc lập phải đảm bảo các yêu cầu bắt buộc sau:
- + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
 - + Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng Công ty ít nhất trong 5 năm liền trước đó”.
 - + Không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.
 - + Không phải là thành viên HĐQT, TGD của các công ty con, công ty liên kết

do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát;

+ Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan đến cổ đông lớn của Tổng Công ty;

+ Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất;

+ Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

- Ngoài ra, tính độc lập của thành viên HĐQT độc lập còn được xem xét và cân nhắc đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Không phải là nhân viên của Tổng Công ty hay của người có liên quan trong 5 (năm) năm gần nhất;

+ Không phải là thành viên gia đình trực hệ của một cá nhân đang hoặc trong 5 (năm) năm gần nhất đã là người quản lý của Tổng Công ty hoặc của người có liên quan;

+ Không có mối liên hệ liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Tổng Công ty và người có liên quan.

- Kể từ 01/08/2020, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty;

- Kể từ 01/08/2019 thành viên HĐQT của Tổng Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 Công ty khác.

5. Ứng cử, đề cử, thẩm tra tư cách ứng cử viên:

- Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT theo quy định tại điều 12 Điều lệ;

- Thông tin về các ứng viên được đề cử vào HĐQT phải được công bố trước khi tổ chức ĐHĐCĐ và đảm bảo cho các cổ đông nhận được đầy đủ thông tin để xác định năng lực và đánh giá tính độc lập của các ứng viên. Các thông tin được công bố, gồm:

+ Họ và tên của ứng viên;

+ Họ và tên cổ đông (hoặc nhóm cổ đông) đề cử ứng cử đó;

+ Độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên;

+ Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên;

+ Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong vòng 5 năm qua;

+ Những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm;

+ Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng Công ty với tư cách là thành viên HĐQT trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm;

- + Mọi quan hệ của ứng viên với Tổng công ty;
- + Các vị trí trong HĐQT của những công ty khác hoặc các vị trí chính thức khác mà ứng viên nắm giữ.
- + Việc ứng viên được đề cử vào HĐQT của các công ty khác và các vị trí chính thức khác;
- + Quan hệ của ứng viên với các Người có liên quan;
- + Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Tổng Công ty;
- + Quan hệ của ứng viên với các đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty;
- + Những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ và tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên HĐQT;
- + Việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tổng Công ty.
- HĐQT sẽ thẩm tra các thông tin trên của ứng viên.

6. Phẩm chất, năng lực

Điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 25 Điều lệ. Ngoài ra, cần phải có các phẩm chất và năng lực sau đây:

- Có tư chất lãnh đạo, liên chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý và nhân viên của Tổng Công ty;
- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;
- Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
- Có khả năng vận dụng kiến thức và kinh nghiệm thành giải pháp thực tiễn.

Điều 16: Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT

Nguyên tắc bầu HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cụ thể như sau:

1. Bầu thành viên HĐQT

- Việc bầu dồn phiếu để xác định thành viên HĐQT được quy định trong Quy chế biểu quyết, bầu cử do HĐQT quy định;
- Tổng Công ty chia sẻ thông tin cho cổ đông thông qua việc chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cách dồn phiếu một cách có hiệu quả cho cổ đông, bao gồm thông tin về quyền lợi của cổ đông trong việc bầu dồn phiếu và các hậu quả khi sử dụng quyền này

một cách không hiệu quả.

2. Miễn nhiệm thành viên HĐQT

- Việc miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 điều 26 Điều lệ;
- Trường hợp một thành viên HĐQT không đủ tư cách theo quy định của pháp luật hoặc không đủ năng lực hành vi thì Chủ tịch HĐQT sẽ chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo, đề xuất trình HĐQT quyết định.
- Đối với trường hợp từ nhiệm, Chủ tịch HĐQT sẽ thụ lý việc xem xét và trình HĐQT quyết định. Việc miễn nhiệm chỉ có hiệu lực khi có Nghị quyết bằng văn bản của ĐHĐCĐ.

3. Bãi nhiệm thành viên HĐQT

- Việc bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 điều 26 Điều lệ;
- Đối với trường hợp thành viên HĐQT bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp để thông qua Nghị quyết, trình ĐHĐCĐ kỳ họp tới thông qua.
- Đối với trường hợp thành viên HĐQT không hoàn thành nhiệm vụ, gian dối trong thực hiện nhiệm vụ thì Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm thu thập bằng chứng, thông tin và lập báo cáo, đề xuất trình HĐQT quyết định.

Điều 17: Trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của thành viên HĐQT

Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 27 Điều lệ. Theo đó, thành viên HĐQT phải hành động một cách trung thực, siêng năng và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và phải có các trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý sau:

1. Trách nhiệm

- *Trách nhiệm chăm lo:* các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của mình một cách cẩn trọng, thiện ý và chuyên nghiệp. Cụ thể:
 - + Hành động một cách trung thực với thiện ý;
 - + Thường xuyên tham gia một cách tích cực vào các cuộc họp của HĐQT;
 - + Chủ động yêu cầu tổ chức cuộc họp HĐQT và khi họp tập trung vào các vấn đề trong chương trình nghị sự cuộc họp;
 - + Đảm bảo rằng Tổng Công ty có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
 - + Yêu cầu các thành viên Ban Điều hành cung cấp đầy đủ thông tin cho HĐQT để các thành viên HĐQT nắm vững những vấn đề trong Tổng Công ty;
 - + Thực thi trách nhiệm giám sát phù hợp đối với cán bộ quản lý cấp cao;
- *Trách nhiệm trung thành:* các thành viên HĐQT có trách nhiệm trung thành với Tổng Công ty, lợi ích của Tổng Công ty và các cổ đông. Các thành viên HĐQT không được thực hiện các hành động sau:

- + Tham gia vào HĐQT của đối thủ cạnh tranh;
- + Thực hiện bất kỳ giao dịch nào với Tổng công ty mà không công bố giao dịch đó và không xin phép HĐQT hoặc ĐHĐCD;
- + Sử dụng tài sản và tiện ích của Tổng Công ty để phục vụ nhu cầu riêng;
- + Tiết lộ thông tin bí mật của Tổng Công ty;
- + Sử dụng thông tin hoặc các cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty vì lợi ích cá nhân để thu lợi riêng;
- Trong trường hợp có xung đột lợi ích, Thành viên HĐQT không thực thi nhiệm vụ của mình, ngay lập tức báo cáo HĐQT về bất kỳ xung đột lợi ích tiềm ẩn nào.
- Thành viên HĐQT phải thực hiện việc bảo mật thông tin. Quy định về bảo mật thông tin theo quy định tại Quy chế này. Thành viên HĐQT thực hiện các nghĩa vụ cụ thể sau:
 - + Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin bí mật của Tổng Công ty thông qua việc xây dựng, ban hành các quy định nội bộ về bảo vệ và công bố thông tin, các tiêu chuẩn sử dụng thông tin bí mật đó của Tổng công ty;
 - + Không được tiết lộ thông tin bí mật hoặc sử dụng thông tin bí mật của Tổng Công ty vì lợi ích riêng;
 - + Không được tiết lộ thông tin bí mật của Tổng Công ty trong 05 (năm) năm kể từ ngày không còn đảm nhận chức vụ tại Tổng Công ty. Yêu cầu này phải được quy định trong thỏa thuận khi ký kết giữa Tổng Công ty và Thành viên HĐQT;
 - + Thành viên HĐQT trước khi đảm nhận vai trò thành viên hoặc trong vòng 3 (ba) tháng từ khi trở thành thành viên phải ký bản cam kết về việc nhận thức và thực hiện các yêu cầu của pháp luật và các bổn phận liên quan đến bảo mật thông tin;
 - Các trách nhiệm khác (được quy định cụ thể tại Quy chế này khi phát sinh).

2. Nghĩa vụ pháp lý

- Thành viên HĐQT vi phạm những nghĩa vụ pháp lý quy định tại Điều lệ và khoản 4 Điều 15 quy chế này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- Bảo vệ các thành viên HĐQT trước nghĩa vụ pháp lý: Tổng Công ty cho phép Thành viên HĐQT giải trình và chứng minh việc thực hiện các trách nhiệm, bổn phận của mình. Tổng Công ty sẽ áp dụng các biện pháp hạn chế đối với những tổn thất phát sinh khi thi hành trách nhiệm:
- Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường của Thành viên HĐQT sau khi được ĐHĐCD chấp thuận;
- HĐQT ban hành quy chế bảo vệ thành viên HĐQT trước những khiếu kiện, trách nhiệm và chi phí bồi thường trong một số trường hợp.
- Tổng Công ty sẽ hoàn trả cho một thành viên những chi phí phát sinh trong

việc bảo vệ cá nhân đó trước khiếu kiện liên quan đến vai trò HĐQT của cá nhân đó, nếu cá nhân đó hành động:

- + Trung thực, cẩn trọng;
- + Thực hiện bổn phận một cách thỏa đáng;
- + Vì những lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và cổ đông;
- + Tuân thủ pháp luật, điều lệ và các quy chế nội bộ.

Điều 18: Đánh giá và đào tạo thành viên HĐQT

1. Đánh giá thành viên HĐQT

- Hình thức đánh giá hoạt động của HĐQT:
- + Thành viên HĐQT tự đánh giá;
- + Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên HĐQT, hoặc có sự tham gia của bên thứ ba khi cần thiết. Bên thứ ba có thể là cố vấn pháp lý hoặc nhà tư vấn chuyên nghiệp được HĐQT quyết định tại từng thời điểm.
- Việc đánh giá được thực hiện hàng năm vào cuối quý 4 năm tài chính.
- HĐQT thông qua một cuộc họp riêng hoặc dành thời gian trong cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá.
- Hồ sơ đánh giá được lưu tại Tổng Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin mật.

2. Đào tạo thành viên HĐQT

- Tổng Công ty tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của các thành viên HĐQT để giúp thành viên HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.
- Các thành viên HĐQT nỗ lực tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 19: Chế độ thù lao của thành viên HĐQT

1. Chế độ thù lao và các quyền lợi khác của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 28 Điều lệ.
2. Kết cấu của khoản thù lao:
 - Một khoản thù lao cố định; một khoản thù lao cho việc tham gia các cuộc họp HĐQT;
 - Các khoản thù lao cho những trách nhiệm bổ sung cho vai trò Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch các tiểu ban thuộc HĐQT nếu có.
3. Thù lao của thành viên HĐQT được soát xét định kỳ 2 năm hoặc bất thường theo quyết định của HĐQT.
4. Thù lao của HĐQT được công bố trong báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm và trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty. Chi tiết về nội dung và

phương thức công bố thông tin được quy định trong quy chế này.

Điều 20: Quy trình làm việc của HĐQT

Quy trình làm việc của HĐQT và các cuộc họp của HĐQT được quy định tại Điều 30 Điều lệ. Cụ thể như sau:

1. Chủ tịch HĐQT và các cuộc họp HĐQT

- Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT và quyết định hình thức tổ chức cuộc họp HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT nào đó thực thi quyền quyền và nghĩa vụ của chủ tịch HĐQT.

- Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Điều 29 Điều lệ. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đối với các cuộc họp HĐQT như sau:

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định đối với những vấn đề được thảo luận trong chương trình họp;

+ Khuyến khích việc thảo luận các vấn đề một cách cởi mở trong bầu không khí thân thiện và xây dựng;

+ Tạo cơ hội cho các thành viên HĐQT bày tỏ quan điểm của mình đối với những vấn đề đang được thảo luận;

+ Hướng HĐQT đi tới sự đồng thuận.

2. Cuộc họp HĐQT

- Các cuộc họp HĐQT, địa điểm, thời gian, thông báo, số lượng, trình tự biểu quyết theo quy định tại Điều 30 Điều lệ. Các thành viên HĐQT phải tích cực tham gia các cuộc họp HĐQT và có trách nhiệm sau:

+ Tham gia thảo luận và biểu quyết;

+ Yêu cầu tổ chức một cuộc họp của HĐQT để thảo luận những vấn đề cần quan tâm;

+ Thông báo cho HĐQT khi không thể tham gia cuộc họp HĐQT.

- Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ, các thành viên HĐQT phải:

+ Lắng nghe và hiểu rõ những nội dung trình bày của những người khác trong cuộc họp;

+ Đặt câu hỏi với những nội dung trình bày hoặc các báo cáo của bộ máy quản lý khi nhận định rằng các thông tin, tài liệu này được trình bày chưa đủ rõ và có tính phức tạp.

+ Yêu cầu bổ sung tài liệu khi thảo luận về những vấn đề không nằm trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Yêu cầu bổ sung thông tin được đáp ứng thông qua việc cung cấp các tài liệu nghiên cứu, các đánh giá hoặc quan điểm độc lập và các chứng từ hoặc tài liệu khác trước khi cuộc họp diễn ra.

- Trong trường hợp không thể tham dự họp trực tiếp tại cuộc họp HĐQT, thành viên có thể:

+ Tham dự bằng hình thức họp qua trực tuyến (điện thoại, video trực tuyến). Trong trường hợp này được xem như có mặt tại cuộc họp; hoặc

+ Ủy quyền cho một đại diện tham dự họp HĐQT.

- Đối với trường hợp họp HĐQT qua trực tuyến.

+ Việc tham dự bằng hình thức này phải đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo thành viên HĐQT có thể nghe đầy đủ ý kiến của các thành viên khác và có thể phát biểu ý kiến đến tất cả các thành viên khác dự họp nghe.

+ Các quyết định được thông qua trong cuộc họp có thành viên tham dự qua điện thoại hoặc trực tuyến được tổ chức và tiến hành hợp pháp có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp và có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

+ Thành viên HĐQT có trách nhiệm thông báo đến chủ tọa cuộc họp về việc không thể tham dự họp trực tiếp và hình thức tham dự thay thế ít nhất 02 ngày trước ngày họp.

- Đối với trường hợp ủy quyền:

+ Các thông tin về việc ủy quyền được gửi bằng văn bản hoặc thư điện tử đến các thành viên HĐQT và thư ký Tổng Công ty ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp HĐQT.

+ Các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết chấp thuận việc ủy quyền này ít nhất 01 ngày trước ngày họp HĐQT (có thể thông qua văn bản hoặc thư điện tử). Việc ủy quyền sẽ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Khi được chấp thuận, thành viên HĐQT sẽ xác lập văn bản ủy quyền với nội dung và phạm vi ủy quyền đã được các thành viên khác chấp thuận và người được ủy quyền có trách nhiệm xuất trình trước cuộc họp HĐQT.

+ Văn bản ủy quyền của thành viên HĐQT phải có tối thiểu các nội dung sau: (i) họ và tên, các thông tin cá nhân và vị trí công tác của người được ủy quyền; (ii) phạm vi ủy quyền phải được đề cập rõ phạm vi, bao gồm một phần hay toàn bộ về ủy quyền dự họp, ủy quyền biểu quyết, ủy quyền nêu ý kiến, diễn giải các ý kiến về những vấn đề cụ thể theo chương trình họp và những vấn đề nào phát sinh trong cuộc họp HĐQT.

+ Việc ủy quyền không làm mất quyền gửi các ý kiến, biểu quyết bằng văn bản của thành viên HĐQT ủy quyền.

3. Cuộc họp HĐQT đầu tiên

- Cuộc họp HĐQT đầu tiên được tổ chức sau ĐHCĐ trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu nhiệm kỳ. Trường hợp phải bầu Chủ tịch HĐQT thì phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ.

- Cuộc họp đầu tiên của HĐQT:

+ Xác định những ưu tiên của hoạt động HĐQT;

- + Phân công các lĩnh vực phụ trách cho các thành viên HĐQT;
- + Thành lập hoặc điều chỉnh các Tiểu ban thuộc HĐQT; Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động của các Tiểu ban; Bầu chọn người đứng đầu các Tiểu ban (nếu có).

4. Lịch họp của HĐQT

- Lịch họp HĐQT theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 30 Điều lệ. Theo đó cuộc họp thường kỳ của HĐQT có thể được Chủ tịch HĐQT triệu tập bất cứ lúc nào xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- HĐQT xây dựng lịch họp thường niên hàng năm, mỗi năm ít nhất 4 lần. Ngoài ra, sẽ có một cuộc họp soát xét báo cáo thường niên trước cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 21: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.
- Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.
- Thành viên bên ngoài được quyết biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban.

2. Nguyên tắc hoạt động của các Tiểu ban

- Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.
- Nghị quyết của các Tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của Tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm vụ của các Tiểu ban

- Tiểu ban chính sách phát triển có trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển chung của công ty.
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ có nhiệm vụ xây dựng quy trình và giám sát các hoạt động tài chính của công ty.
- Tiểu ban nhân sự có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và quy trình quản lý nhân sự cấp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tiểu ban lương thưởng có nhiệm vụ xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cấp quản lý khác được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Hội đồng quản trị cũng có thể xem xét thành lập thêm một số Tiểu ban khác hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết.

Điều 22: Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng Công ty tùy từng thời điểm.

3. Vai trò của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được quy định cụ thể tại Điều 32 Điều lệ. Vai trò và chức năng chính của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty được quy định cụ thể tại các Chương 2, 3, 4 Quy chế này và cụ thể như sau:

- Đảm bảo rằng các thành viên quản trị Tổng Công ty tuân thủ quy định và chính sách nội bộ của Tổng Công ty, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng những quy định và chính sách mới khi cần thiết;

- Góp phần đảm bảo rằng các thành viên quản trị Tổng Công ty tuân thủ quy định pháp luật có liên quan của Luật pháp trong nước, kể cả luật pháp quốc tế.

- Đóng vai trò là người tư vấn cho các thành viên HĐQT và các thành viên Ban Điều hành của Tổng Công ty về những yêu cầu của pháp luật, các quy định về niêm yết và các quy định pháp luật liên quan đến quản trị Tổng Công ty.

4. Thủ tục bổ nhiệm, nhiệm kỳ và miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- Người phụ trách quản trị Tổng Công ty Tổng Công ty là một chức danh được HĐQT bổ nhiệm theo quy định tại Điều 32 Điều lệ.

- Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty là 5 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của HĐQT tại từng thời điểm.

- Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:

Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ, cụ thể.

+ Là người hiểu biết về pháp luật. Nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Tổng công ty và thị trường chứng khoán, ưu tiên người tốt nghiệp đại học luật tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

+ Có trình độ chuyên môn đại học trở lên;

+ Am hiểu hoạt động của Tổng Công ty;

- + Trách nhiệm cao, có kỹ năng thương thuyết và tạo nên sự đồng thuận;
- + Kỹ năng tổ chức, phân tích, phát hiện tiềm ẩn rủi ro và cảnh báo sớm cho bộ máy quản lý, có trực giác tốt và nhạy cảm với những suy nghĩ và hành động của các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc.
- + Có tính tử mĩ, linh hoạt và sáng tạo;
- + Biết cách khắc phục lỗi tư duy quan liêu trong Tổng Công ty;
- + Được đào tạo về quản trị công ty;
- + Là người có uy tín cá nhân, trong sạch và có ngoại hình.
- Các yêu cầu và điều kiện đối với Người phụ trách quản trị Tổng Công ty:
 - + Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Tổng Công ty;
 - + Không được là một thành viên gia đình trực hệ của một thành viên bộ máy quản lý;
 - + Báo cáo trực tiếp cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc;
 - + Phải tham gia các khoá đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban chứng khoán nhà nước công nhận.
- Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng Công ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn về tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Tổng Công ty, số lượng cổ phiếu của Tổng Công ty đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án, tiền sự...và được bổ sung bằng thư giới thiệu cá nhân và những cuộc phỏng vấn với Chủ tịch HĐQT hoặc với các thành viên HĐQT;
- Hợp đồng với Người phụ trách quản trị Tổng Công ty: HĐQT xác định nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty, xác định các điều kiện của hợp đồng lao động, các vấn đề có liên quan đến thù lao và thủ tục kết thúc hợp đồng. Chủ tịch HĐQT ký kết hợp đồng với Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

5. Nhiệm vụ và thẩm quyền của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

- Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng Công ty được quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ;
- Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có trách nhiệm giúp HĐQT về mặt pháp lý và tổ chức, cụ thể:
 - + Giải thích những yêu cầu về mặt thủ tục của pháp luật, điều lệ và các quy định ngành dọc của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình;
 - + Giúp các thành viên HĐQT trong việc tiếp cận thông tin;
 - + Lập biên bản các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc BKS;

- + Đảm bảo việc tuân thủ thủ tục liên quan đến tiến hành các cuộc họp;
- + Liên lạc và thu thập phiếu bầu của các thành viên HĐQT; thu thập ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT;
- + Thông báo cho tất cả các thành viên HĐQT về các cuộc họp của HĐQT;
- + Trợ giúp tổ chức các cuộc họp của HĐQT;
- Thực hiện các công việc sau khi tổ chức các cuộc họp HĐQT:
- + Giúp Chủ tịch HĐQT chuẩn bị chương trình nghị sự;
- + Chuẩn bị các bản thuyết trình về những vấn đề quan trọng và có tính chất thủ tục sẽ được thảo luận;
- + Chuẩn bị các nội dung tóm tắt để thảo luận trong cuộc họp HĐQT;
- + Gửi văn bản của HĐQT đến các thành viên HĐQT;
- + Phân phát phiếu bầu đến các thành viên HĐQT;
- + Thu thập phiếu bầu đã điền đầy đủ và những ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT không có mặt trong cuộc họp;
- + Chuyển các phiếu bầu và ý kiến bằng văn bản đến Chủ tịch HĐQT;
- + Tiến hành các hoạt động khác nhằm tổ chức việc trao đổi thông tin giữa các thành viên với nhau và với Chủ tịch trong giai đoạn giữa các cuộc họp;
- Cung cấp thông tin cho HĐQT, cụ thể:
- + Biên bản các cuộc họp của HĐQT;
- + Những quyết định và những tài liệu được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành phê chuẩn.
- + Biên bản các cuộc họp và các báo cáo của BKS, Kiểm toán độc lập.
- + Những tài liệu liên quan đến tài chính của Tổng Công ty.
- Hỗ trợ về mặt pháp lý cho các thành viên HĐQT trong những vấn đề liên quan đến quản trị Tổng Công ty
- + Những hành động được cho là bất hợp pháp hoặc không tuân thủ của các cán bộ hay nhân viên Tổng Công ty trong việc thực thi những nghĩa vụ và bổn phận pháp lý của họ;
- + Những vi phạm đối với các thủ tục liên quan đến việc tổ chức các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, công bố thông tin và việc bảo vệ quyền lợi của cổ đông;
- Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, cụ thể:
- + Tổ chức ĐHĐCĐ
 - Đảm bảo danh sách cổ đông được chuẩn bị đầy đủ;

- Thông báo cho các cổ đông về ĐHĐCĐ;
 - Đảm bảo việc tuân thủ các thủ tục đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;
 - Trả lời các câu hỏi về thủ tục trong ĐHĐCĐ và giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc chuẩn bị và tiến hành ĐHĐCĐ;
 - Phân phát các tài liệu trước và trong ĐHĐCĐ;
 - Truyền đạt báo cáo về các kết quả của ĐHĐCĐ đến các cổ đông;
- + Làm liên lạc giữa các cổ đông trong những giao dịch kiểm soát
- + Trợ giúp trong việc đảm bảo quyền lợi của cổ đông
- Đảm bảo rằng Tổng Công ty xem xét một cách thích hợp tất cả những đơn từ được các cổ đông gửi một cách hợp lệ;
 - Chuyển tất cả các ý kiến phản ánh của các cổ đông một cách hợp lệ cho Chủ tịch HĐQT.

- Người phụ trách quản trị Tổng Công ty có trách nhiệm trợ giúp việc công bố thông tin minh bạch:

- + Đảm bảo rằng Tổng Công ty hoạt động tuân thủ với các quy định và thủ tục trong việc lưu giữ và công bố thông tin về Tổng Công ty;
- + Đảm bảo rằng các tài liệu của Tổng Công ty được lưu giữ an toàn;
- + Đảm bảo việc các cổ đông có thể tiếp cận đối với thông tin về Tổng Công ty theo quy định của pháp luật;

Trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải được tuân thủ theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết luận giám sát của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty;

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng Công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty;

4. Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế;

5. Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Tổng Công ty và các cổ đông;

6. Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích;

7. Mẫn cán và trung thực;

8. Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Điều 24: Thành phần và yêu cầu đối với thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS:

Số lượng thành viên BKS theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ. Số lượng thành viên BKS cụ thể do BKS thảo luận và đề xuất với HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

2. Tổ chức BKS

Tổ chức, quyền và nghĩa vụ của thành viên BKS được quy định cụ thể tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS. Quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS được lưu giữ tại Tổng Công ty.

3. Tiêu chuẩn và yêu cầu của Thành viên BKS

- Tiêu chuẩn BKS được quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ.

- Ngoài ra, thành viên BKS phải đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất và năng lực cá nhân như sau:

+ Có uy tín cá nhân và phẩm chất đạo đức tốt;

+ Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ tối đa là 3 (ba) nhiệm kỳ để đảm bảo tính độc lập.

+ Không đồng thời là thành viên BKS của 5 Công ty trừ trường hợp các công ty này có sự liên kết;

+ Không là thành viên HĐQT của một Công ty khác mà thành viên HĐQT của Công ty đó là thành viên BKS Tổng Công ty.

+ Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

+ Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 3 năm liền trước đó;

4. Trưởng Ban Kiểm soát:

Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty. Trưởng BKS do các thành viên BKS bầu ra và không nhất thiết là cổ đông. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Điều lệ. Ngoài ra, Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- Chuẩn bị và ký biên bản cuộc họp BKS;

- Đại diện BKS làm việc với Bên thứ ba.

- Bỏ phiếu quyết định tại các cuộc họp BKS có phiếu bầu ngang nhau;
- Phối hợp làm việc cùng Chủ tịch HĐQT.

Điều 25: Thẩm quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. BKS có các quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều 39 Điều lệ. Ngoài ra, BKS còn có các nghĩa vụ sau:

- Yêu cầu và nhận thông tin liên quan đến các Người có liên quan và giao dịch với các Người có liên quan;
- Kiểm tra tình hình tài chính của Tổng Công ty, trọng yếu là khả năng thanh toán, tính thanh khoản của tài sản và khả năng thanh toán các khoản nợ.
- Đưa ra các đề xuất hoặc soạn thảo một bản đề xuất trình lên HĐQT liên quan đến việc bổ nhiệm, tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các thành viên kiểm toán nội bộ;
- Giám sát việc thay đổi tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên (độc lập) có nguyên nhân từ sự bất đồng về kiểm toán hoặc kế toán.
- Xem xét sự không nhất quán giữa các thảo luận và phân tích của Ban Điều hành, thông điệp của Chủ tịch HĐQT và các báo cáo tài chính kèm báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
- Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật và/hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên HĐQT, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý cấp cao, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, đồng thời gửi văn bản đến người có hành vi vi phạm để yêu cầu chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo UBCKNN về vấn đề này.

2. BKS có các quyền được tiếp cận tài liệu theo quy định tại Điều 39 Điều lệ và các quyền khác là:

- Xin ý kiến Tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp bên ngoài khi cần thiết.
- Xem những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi từ bộ máy quản lý của Tổng Công ty.
- Thành viên BKS có trách nhiệm bảo mật đối với những thông tin có được từ các tài liệu được quyền tiếp cận. Tổng Công ty áp dụng cơ chế ký kết thỏa thuận bảo mật thông tin đối với từng thành viên BKS.

3. Trách nhiệm của BKS đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty:

- Xây dựng, chỉ đạo và điều hành (phê chuẩn kế hoạch, giám sát và tổ chức đánh giá) bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, xem xét, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn, hệ thống thông tin quản lý và báo cáo tài chính, các quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ.

- Định kỳ thông tin đến HĐQT và Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Đối với hoạt động kiểm soát, cụ thể là các hoạt động kiểm soát trước, trong và sau, BKS có trách nhiệm sau:

+ Kiểm soát trước: BKS tích cực tham gia với HĐQT, Tổng Giám đốc để ban hành các Nghị quyết, quyết định, quy chế phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Tổng Công ty.

+ Kiểm soát trong: BKS theo dõi giám sát Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, quyết định, quy chế do HĐQT ban hành và quy định của pháp luật. Thông qua kiểm tra, giám sát phát hiện các nội dung không phù hợp của Nghị quyết, quyết định, quy chế để trao đổi với HĐQT đưa ra giải pháp khắc phục.

+ Kiểm soát sau: BKS sẽ kiểm soát các công việc phát sinh, gồm:

- Kiểm soát sổ sách kế toán tài chính, định kỳ và đột xuất hàng quý, hàng năm.
- Kiểm tra các vụ việc theo đơn, thư tố giác (nếu có) hay các đề nghị của các cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.

4. Thành viên BKS phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được UBCKNN công nhận.

Điều 26: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ. Các nội dung cụ thể như sau:

+ Tư cách và không còn tư cách thành viên BKS được quy định tại Điều 38 Điều lệ.

+ Nhiệm kỳ và số lượng và việc bầu lại thành viên BKS được quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ;

+ Cách thức biểu quyết bầu thành viên BKS được quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ;

2. Việc chọn bầu lại thành viên BKS được thực hiện theo quy định của Điều lệ và quy chế này.

Điều 27: Thỏa thuận với Thành viên BKS

HĐQT hoặc Tổng Giám đốc trong trường hợp được HĐQT ủy quyền sẽ ký thỏa thuận với các thành viên BKS. Các điều khoản thỏa thuận bao gồm các khoản thù lao phải được ĐHCĐ chấp thuận. Thỏa thuận ký với các thành viên BKS là thỏa thuận khung và không có quyền thương lượng hay thay đổi các khoản thỏa thuận.

Điều 28: Thù lao cho thành viên BKS

1. Trưởng BKS có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, bao

gồm số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao của các thành viên BKS. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.

2. Ngoài ra, thành viên BKS được thanh toán các chi ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí công tác không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Việc tính thù lao mà các thành viên BKS được hưởng phải rõ ràng, minh bạch và được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho BKS phải được công bố riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Điều 29: Quy trình hoạt động của BKS

1. Trưởng BKS có trách nhiệm triển khai cụ thể Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS phải có tối thiểu các nội dung: xác định số lượng thành viên BKS, cách thức bầu Trưởng BKS, nguyên tắc thông qua quyết định, số lượng cuộc họp, lịch họp, điều kiện để tổ chức cuộc họp, quy định về tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá hoạt động thành viên BKS, các quy định về điều kiện sử dụng tư vấn độc lập, quy định về bảo mật thông tin.

3. Cuộc họp BKS: BKS phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Số lượng thành viên tham dự ít nhất 2/3 kiểm soát viên.

4. Biên bản họp của BKS phải chi tiết và rõ ràng. Thư ký cuộc họp và các thành viên tham dự họp phải ký vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp được lưu trữ như một tài liệu quan trọng của Tổng Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS đối với các Nghị quyết của BKS.

Điều 30: Báo cáo của BKS

1. BKS chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo khoản 1 Điều 15 Điều lệ; và khoản 2 Điều 12 Quy chế này.

2. Báo cáo của BKS do Trưởng BKS chủ trì thực hiện, báo cáo phải có chữ ký của tất cả các thành viên dự họp. Thành viên nào không ký phải nêu rõ lý do.

3. Báo cáo của BKS phải có phần ý kiến của HĐQT trong trường hợp không thống nhất ý kiến;

4. Báo cáo BKS phải gửi đến HĐQT thông qua Thư ký Tổng Công ty trước 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG V

BỘ MÁY QUẢN LÝ

Điều 31: Bộ máy quản lý và thẩm quyền của Bộ máy quản lý

1. Cơ cấu của bộ máy quản lý được quy định tại Điều 33 Điều lệ và bao gồm: một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc được gọi chung là Ban Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

2. Tổng Giám đốc có tất cả các quyền trừ các quyền thuộc ĐHĐCĐ và thuộc HĐQT theo quy định tại Điều 15 và Điều 27 Điều lệ, cụ thể:

- Tổng Giám đốc có toàn quyền về cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty (trừ những thẩm quyền của HĐQT được đề cập tại Quy chế này) và thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản trị Tổng Công ty hoặc theo Nghị quyết của HĐQT.

- Quyền hạn của từng thành viên bộ máy quản lý do Tổng Giám đốc quyết định thông qua văn bản quy định nội bộ (bao gồm Quy định về phân cấp quản lý và các quy định, tài liệu khác).

3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Bộ máy quản lý do Tổng Giám đốc quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trong đó đảm bảo:

- Mọi thành viên của Bộ máy quản lý đều có nghĩa vụ và trách nhiệm với Tổng Công ty như các thành viên HĐQT và phải tuân theo tiêu chuẩn trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này.

- Nhiệm vụ và trách nhiệm của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được quy định tại các văn bản, tài liệu và quy định nội bộ của Tổng Công ty do Tổng Giám đốc ban hành theo thẩm quyền.

4. Thủ tục xin phê duyệt của HĐQT

- Tổng Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ và theo Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần có sự phê duyệt của HĐQT phải có Tờ trình (kèm tài liệu có liên quan) và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định tại Điều 35 Quy chế này.

5. Các nội dung, vấn đề mà Tổng Giám đốc phải xin ý kiến HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 32: Thành phần của Bộ máy quản lý

1. Bộ máy quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ. Số lượng Phó Tổng Giám đốc sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất và được HĐQT phê chuẩn.

2. Thành phần Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc có quy mô phù hợp với thực tế hoạt động của Tổng Công ty tại từng thời điểm.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Bộ máy quản lý

- Các quy định cụ thể về tiêu chuẩn chung của Bộ máy quản lý bao gồm các nội dung như sau:

+ Chiếm được lòng tin của các cổ đông, các cấp quản lý và nhân viên trong Tổng Công ty;

+ Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

+ Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý.

+ Có kinh nghiệm kinh doanh (đặc biệt là thông lệ quốc tế) có kiến thức tốt về kinh tế, chính trị, pháp luật và các vấn đề xã hội, kiến thức về xu hướng thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh trong nước và quốc tế.

+ Có khả năng vận dụng kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.

- Các tiêu chuẩn riêng cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

Điều 33: Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Bộ máy quản lý

1. Bầu chọn và nhiệm kỳ của Bộ máy quản lý

- Việc bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ.

- Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng do Tổng Giám đốc đề xuất HĐQT bổ nhiệm theo quy định sau:

+ Đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm thành viên Bộ máy quản lý;

+ Đưa ra ý kiến bằng văn bản đối với các đề cử thành viên Bộ máy quản lý trong trường hợp ứng viên là thành viên HĐQT.

+ Đánh giá các ứng viên tiềm năng có sự tham gia của Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác trong Tổng Công ty.

- HĐQT quyết định bổ nhiệm các thành viên Ban Điều hành. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Điều hành không quá 5 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

- Các thông tin của ứng viên cho Bộ máy quản lý bao gồm các nội dung sau:

+ Ảnh nhận dạng ứng viên;

+ Tuổi và học vấn của ứng viên;

+ Các vị trí mà ứng viên đã đảm nhiệm trong 05 (năm) năm gần đây;

+ Các vị trí mà ứng viên đang đảm nhận khi được đề cử;

+ Mối quan hệ giữa ứng viên với Tổng Công ty;

- + Ứng viên có là thành viên HĐQT hoặc đảm nhận vị trí quan trọng của tổ chức khác;
- + Thông tin về việc đề cử ứng viên cho một vị trí trong bộ máy quản lý và vị trí khác của tổ chức khác.
- + Mọi quan hệ của ứng viên với các cá nhân có ảnh hưởng lớn đến Tổng Công ty;
- + Mọi quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chủ chốt của Tổng Công ty;
- + Thông tin liên quan đến khả năng tài chính của ứng viên và các điều kiện khác có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện trách nhiệm của ứng viên khi trở thành thành viên bộ máy quản lý của Tổng Công ty.
- + Việc từ chối cung cấp thông tin cho Tổng Công ty của ứng viên, nếu có.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Ngoài tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty, ưu tiên các cá nhân có sở hữu nhiều cổ phần tại Tổng Công ty.
- Có trình độ đại học trở lên;
- Không phải là thành viên BKS của Tổng công ty;
- Không phải là nhân viên, thành viên Ban Điều hành hay HĐQT của đối thủ cạnh tranh; và
- Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp nào tại các công ty khác.
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Phó Tổng Giám đốc

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
- Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Tổng Công ty, có năng lực tổ chức, chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
- Có trình độ chuyên môn: tốt nghiệp từ Đại học trở lên.

4. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng:

- Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán theo điều 51 Luật kế toán;

- Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong ngành kế toán ít nhất 05 (năm) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức

- HĐQT quyết định việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ;

- Các trường hợp cách chức Phó TGD, kế toán trưởng được quy định cụ thể tại Điều này.

- HĐQT ban hành các quy định liên quan đến các căn cứ, trình tự, thủ tục bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các vị trí Phó TGD, kế toán trưởng.

6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức thành viên Bộ máy quản lý, Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo trình tự, thủ tục của Luật Chứng khoán.

Điều 34: Quy trình hoạt động của Bộ máy quản lý

1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm ban hành quy định về:

- Tần suất các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc;
- Thủ tục tổ chức và tiến hành các cuộc họp Ban Tổng Giám đốc;
- Triệu tập, nội dung, tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc
- Thủ tục ra quyết định trong các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc và ký tất cả các văn bản, quyết định và biên bản cuộc họp Ban Tổng Giám đốc;
- Hình thức và thời hạn thông báo họp;
- Biểu quyết trong các cuộc họp Ban Tổng Giám đốc;
- Thư ký cuộc họp, biên bản các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc và chế độ lưu trữ;

2. Cuộc họp Ban Tổng Giám đốc chỉ có giá trị khi có ít nhất $\frac{1}{2}$ số thành viên Ban Tổng Giám đốc dự họp. Việc vắng mặt phải có lý do chính đáng và được Tổng Giám đốc chấp thuận.

Điều 35: Chế độ lương, thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy quản lý

1. HĐQT quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ;

2. Chính sách lương, thưởng và lợi ích khác:

- HĐQT ban hành chính sách, quy chế về lương, thưởng và các lợi ích khác.
- Việc xây dựng chính sách lương, thưởng căn cứ trên:
 - + Phạm vi trách nhiệm;
 - + Phẩm chất, năng lực yêu cầu;
 - + Kinh nghiệm;
 - + Năng lực cá nhân và khả năng cạnh tranh;
 - + Mức lương trong Tổng công ty và trong ngành nói chung;
 - + Năng lực và chỉ số tài chính của Tổng Công ty;
 - + Yếu tố thị trường về nhân sự và các yếu tố khác.

3. Hợp đồng lao động

- Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký kết hợp đồng lao động với các thành viên Bộ máy quản lý.

- HĐQT có thể xem xét, đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý, nếu xét thấy cần thiết:

- + Chế tài (phạt hoặc bồi thường) áp dụng khi một bên không thực hiện trách nhiệm của mình;
- + Những lợi ích và ưu đãi khác;
- + Phí bồi thường;
- + Điều khoản về tính bảo mật trong thời gian hợp đồng, khi thành viên Bộ máy quản lý nghỉ việc Tổng Công ty với bất kỳ lý do nào;
- + Điều khoản về việc không cạnh tranh trong thời gian hợp đồng, khi thành viên Bộ máy quản lý nghỉ việc Tổng Công ty với bất kỳ lý do nào;
- + Cam kết bảo vệ lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông;
- + Điều kiện chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Điều 36: Đào tạo và đánh giá năng lực

1. Thành viên Ban Tổng Giám đốc phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán nhà nước công nhận;

2. HĐQT có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với thành viên Bộ máy quản lý.

3. HĐQT có thể căn cứ vào các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên bộ máy quản lý hoặc ý kiến đánh giá của Tổng giám đốc đối với thành viên bộ máy quản lý.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 37: Nguyên tắc làm việc

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Tổng Công ty.

Điều 38: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT

1. Đối với Ban Kiểm soát

- Chương trình, nội dung các cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến thành viên BKS (nếu được mời họp) cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời với thời gian gửi Tổng Giám đốc, trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác lập.
- Đối với đề xuất của BKS về số lượng thành viên BKS, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
- Đối với đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày.

2. Đối với Bộ máy quản lý Tổng Công ty

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất 45 ngày.
- Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý:
 - + Phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT;
 - + Được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Thư ký Tổng Công ty; và
 - + Đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc theo khoản 4 Điều 35 Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

- Các quyết định tạm đình chỉ quyết định của Tổng Giám đốc, chủ tịch HĐQT phải lập thành văn bản và gửi bảo đảm hoặc trao tay có sự chứng kiến của thành viên HĐQT khác và Người phụ trách quản trị Tổng Công ty.

- HĐQT không được thành lập bộ máy riêng, khi cần thiết HĐQT sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Tổng Công ty để phục vụ công việc của HĐQT, sau khi thông báo cho Tổng Giám đốc. Thông báo phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 giờ.

- Trong trường hợp cấp thiết vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Tổng công ty nhưng phải được Chủ tịch HĐQT đồng ý. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.

- HĐQT có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về điều lệ, Quy chế quản trị Tổng Công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày;

- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong vòng 7 ngày.

- Đối với các báo cáo đánh giá Tổng Giám đốc và thành viên Bộ máy quan rlys, HĐQT phải gửi bản dự thảo đến các đối tượng trước một thời gian hợp lý.

- Trong trường hợp cuộc họp HĐQT có mời thành viên BKS, thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì HĐQT có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký Tổng Công ty).

- Các nội dung được gửi nhằm để lấy ý kiến của Tổng Giám đốc: Mức lượng và lợi ích khác của Người quản lý, các nội dung nhân sự... phải được gửi trước ít nhất 48 giờ.

- Đối với các chỉ tiêu, sử dụng chi phí của HĐQT, HĐQT phải có văn bản thuyết minh tính hợp lý khi gửi hồ sơ, chứng từ về Tổng Công ty.

Điều 39: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Tổng Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động của Tổng Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;

- Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- Báo cáo của Tổng Giám đốc;
- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

3. Nguyên tắc cung cấp tài liệu: tài liệu HĐQT, Tổng Giám đốc được gửi đến BKS vào cùng thời điểm gửi đến các thành viên HĐQT.

4. Đối với bộ máy quản lý: BKS chức năng kiểm tra và giám sát, cụ thể sau:

- Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và Người quản lý khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

- Đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, căn cứ vào các hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Tổng Công ty, BKS có quyền gửi thông báo đến Tổng Giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng 01 (một) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, BKS phải thông báo ý kiến của BKS với các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc.

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Tổng công ty trước ít nhất 48 giờ.

- Đối với việc sử dụng tư vấn độc bên ngoài, BKS phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể thời điểm xác lập dịch vụ đó.

5. Đối với HĐQT:

- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động hàng quý, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

- Khi kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện vụ việc đang diễn ra làm thiệt hại đến tài sản của Tổng công ty thì thành viên BKS kiến nghị biện pháp giải quyết và báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Trường BKS. Trường hợp không có biện pháp nào điều chỉnh tốt hơn thì Trường BKS bàn bạc với HĐQT giải quyết sau đó có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ.

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Tổng Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, BKS phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất.

- Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

- Đối với việc thẩm tra báo cáo tài chính được kiểm toán, BKS phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng 7 ngày theo lịch.

- Đối với các hồ sơ, tài liệu khác mà HĐQT phải gửi đến BKS để có ý kiến thì BKS sẽ phản hồi trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Điều 40: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Bộ máy quản lý

1. Đối với HĐQT: Tổng giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác là cơ quan chấp hành, điều hành hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hoạt động diễn ra bình thường và có hiệu quả.

- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.

- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản.

- Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước 7 ngày (khuyến khích đồng gửi BKS).

- Các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 35 cần phê chuẩn của HĐQT, Tổng Giám đốc phải tờ trình đến HĐQT không ít hơn 7 ngày trước ngày các nội dung đó phải được quyết định;

- Đối với việc cho ý kiến về mức lương, lợi ích khác của Người quản lý, Tổng Giám đốc gửi đến HĐQT trước ít nhất 7 ngày.

2. Đối với BKS: Tổng Giám đốc và các thành viên Bộ máy quản lý khác có trách nhiệm tiếp thu và phối hợp trong công tác.

CHƯƠNG VII

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 41: Nguyên tắc kiểm soát nội bộ

- Hệ thống kiểm soát nội bộ là hoạt động liên tục, không bị gián đoạn.
- Mỗi cá nhân tham gia vào quá trình kiểm soát nội bộ đều phải chịu trách nhiệm. Hoạt động của mỗi cá nhân thực hiện chức năng kiểm soát phải được giám sát bởi một cá nhân khác trong hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ phải phân tích các nhiệm vụ, phải ngăn cấm sự chồng chéo các chức năng kiểm soát và phân công các chức năng trong số những nhân viên của Tổng Công ty sao cho cùng một cá nhân sẽ không đồng thời thực hiện chức năng liên quan đến quyền điều khiển một tài sản nhất định; ghi chép hoạt động của tài sản này và bảo hiểm và bảo quản tài sản và trông giữ cùng một tài sản đó.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ có sự ủy quyền phù hợp và phê chuẩn các hoạt động. Hệ thống kiểm soát nội bộ có hệ thống quy định, quy trình về phê chuẩn các hoạt động kinh doanh và tài chính bởi người có thẩm quyền trong phạm vi được ủy quyền.
- Tổng Giám đốc bảo đảm sự tách bạch về tổ chức của các bộ phận để có trách nhiệm kiểm soát nội bộ và bảo đảm rằng bộ phận này chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát. Sự tách bạch về tổ chức này bảo đảm rằng kiểm soát nội bộ được thẩm tra bởi người có thẩm quyền độc lập là chủ thể không tham gia thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty được thiết kế với văn hóa phát triển và cải tiến liên tục, cho phép giải quyết các vấn đề nảy sinh một cách linh hoạt, dễ dàng mở rộng và nâng cấp.
- Một hệ thống các báo cáo kịp thời đối với bất kỳ sự không phù hợp/sai phạm nào được xây dựng với thời gian ngắn nhất cho phép người có thẩm quyền hành động nhanh chóng để khắc phục sự cố.

Điều 42: Thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Môi trường kiểm soát:

- Môi trường kiểm soát tạo ra các khuôn khổ và tác động lên ý thức về kiểm soát của mọi nhân viên.

- Các yếu tố của môi trường kiểm soát bao gồm tính liên chính; các giá trị đạo đức và năng lực của các cấp quản lý và nhân viên; các triết lý về quản lý và hình thức hoạt động; cách thức mà cấp có thẩm quyền phân định quyền hạn và trách nhiệm; cách tổ chức và phát triển nguồn nhân lực; những định hướng và lưu tâm do HĐQT đề ra.

2. Đánh giá rủi ro:

Tổng Công ty xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro, bao gồm:

- Cơ cấu quản trị rủi ro phù hợp, nhất quán và hiệu quả;
- Quản trị rủi ro là mối quan tâm của tất cả mọi nhân viên và thiết lập một nền văn hóa rủi ro trong Tổng Công ty;
- Quản trị rủi ro tích hợp vào các chiến lược, quyết định, hoạt động, các quá trình, chức năng, dự án, sản phẩm, dịch vụ và tài sản.

3. Các hành động kiểm soát:

- Là các quy chế, quy định, thủ tục quy trình đảm bảo rằng các chỉ thị được thực thi, các hành động cần thiết được thực hiện nhằm hạn chế rủi ro và đạt được mục tiêu.

- Các hành động này bao gồm các phê chuẩn, ủy quyền, thẩm tra, thỏa thuận, xem xét lại việc thực hiện các hoạt động, sự an toàn của tài sản và sự phân định trách nhiệm.

4. Thông tin và truyền thông:

Hệ thống kiểm soát nội bộ không chỉ xử lý các dữ liệu nội bộ mà còn xử lý các thông tin về sự kiện, các hoạt động bên ngoài, các điều kiện cần thiết để đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn và báo cáo ra bên ngoài.

5. Giám sát mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ

- Hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ được giám sát qua thời gian để đánh giá chất lượng hoạt động của hệ thống. Việc này được thực hiện thông qua các hành động giám sát liên tục, những đánh giá riêng lẻ, hoặc kết hợp cả hai.

- Bất kỳ sự trục trặc trong kiểm soát nội bộ cần được báo cáo lên cấp trên trực tiếp. Những vấn đề nghiêm trọng cần được báo cáo trực tiếp với Tổng Giám đốc.

- HĐQT, Tổng Giám đốc cần quy định chế tài áp dụng khi có vi phạm về kiểm soát trên cơ sở dự kiến trước.

Điều 43: Trách nhiệm về kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ thường xuyên kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm soát trên tất cả các lĩnh vực tại Trụ sở chính, chi nhánh, đơn vị, công ty con, đưa ra các hoạch định và thực hiện biện pháp khắc phục để đảm bảo luôn được theo dõi, đo lường, đánh giá thường xuyên liên tục.

2. Các phòng, ban, đơn vị của Tổng Công ty, trong phạm vi hoạt động của mình sẽ có trách nhiệm trong việc đảm bảo các kiểm soát của mình, đồng thời đảm bảo tất cả các cấp quản lý và nhân viên đều được đào tạo về hệ thống và văn hóa kiểm soát của Tổng Công ty với sự hỗ trợ của Phòng Tổ chức Nhân sự và Ban Kiểm toán Nội bộ của Tổng Công ty.

3. Kiểm soát nội bộ luôn bắt đầu từ cấp cao nhất của Tổng Công ty là HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập một môi trường kiểm soát nội bộ phù hợp và duy trì tiêu chuẩn đạo đức ở mức độ cao ở mọi cấp độ hoạt động của Tổng công ty. Việc thực thi các quy trình kiểm soát nội bộ thuộc trách nhiệm của các cấp trong bộ máy quản lý của Tổng Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cuối cùng và nắm quyền quản lý đối với hệ thống kiểm soát.

4. Định kỳ hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá hệ thống KSNB. Việc rà soát, đánh giá về tính đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống KSNB dựa trên việc xác định và đánh giá hệ thống KSNB. Tổng giám đốc phải lập báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống KSNB. Báo cáo phải cập nhật các rủi ro, nêu tóm tắt hoạt động chính, các rủi ro liên quan tương ứng và phải gửi cho HĐQT.

5. Việc phân định trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ của từng cấp độ như sau:

a. Hội đồng quản trị:

- Định kỳ hàng năm, xem xét, đánh giá lại hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc;

- Ban hành và định kỳ xem xét, đánh giá chiến lược kinh doanh và các mục tiêu, chính sách lớn;

- Đảm bảo cho Tổng Giám đốc thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và có hiệu quả.

b. Tổng Giám đốc

- Chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh và các mục tiêu, chính sách lớn;

- Tiến hành tổ chức, kiểm tra đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và chịu trách nhiệm cuối cùng về sự hợp lý, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về nhận dạng, đo lường, đánh giá và quản lý rủi ro, đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật;
- Xây dựng, ban hành quy trình nghiệp vụ cụ thể, đảm bảo có chính sách kiểm soát, chính sách quản lý rủi ro gắn từng quy trình, nghiệp vụ cụ thể;
- Duy trì và thực hiện cơ cấu tổ chức, phân cấp ủy quyền, quản lý kinh doanh một cách rõ ràng, cụ thể;
- Đảm bảo duy trì hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
- Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy định và quy trình nội bộ;
- Định kỳ hàng năm báo cáo HĐQT, BKS kết quả tự đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiến nghị, đề xuất nhằm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Một số nhiệm vụ trên và các nội dung quản lý rủi ro sẽ được Tổng Giám đốc ủy quyền cho bộ phận kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.

c. Ban Kiểm soát.

- Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Định kỳ thông báo HĐQT, TGD về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Ban Kiểm soát đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến công tác kiểm toán đối với hệ thống kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 44: Đánh giá hoạt động

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, TGD và Người quản lý khác của Bộ máy quản lý.

2. Các tiêu chí đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của các nhân sự Bộ máy quản lý với lợi ích lâu dài của Tổng Công ty và Cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được phân loại theo lĩnh vực như, bên có quyền lợi liên quan, quy trình hoạt động và tính hiệu quả, tăng trưởng nội bộ và quản lý tri thức.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT theo Điều 16 của quy chế này.

4. Việc đánh giá hoạt động của thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức được quy định tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc: thực hiện theo điều 29 Quy chế này.

6. Việc đánh giá các Phó Tổng Giám đốc và kế toán trưởng được thực hiện theo quy định do Tổng Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn phù hợp với Điều 29 của Quy chế này.

Điều 45: Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại điều 33 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định;

3. Các hình thức khen: Do HĐQT quy định;

4. Hình thức thưởng: bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn.

5. Đối với đối tượng là thành viên HĐQT, BKS: HĐQT quyết định trong phạm vi thù lao được ĐHCĐ phê chuẩn.

6. Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm, Tổng Giám đốc đề xuất HĐQT phê chuẩn.

Điều 46: Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm và cách chức.

2. Thành viên HĐQT, BKS, Bộ máy quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu, với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổn phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, BKS, Bộ máy quản lý khi thực hiện nhiệm vụ có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng Công ty, cổ đông hoặc người khác phải bồi thường theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của bộ máy quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 48. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công ty.

Điều 49. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. Tổng Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Tổng Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng Công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 5% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ.

Điều 50. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Tổng Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
2. Tổng Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG X BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Tổng Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Tổng Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 52. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Tổng Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, Tổng Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 53. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Tổng Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Trong trường hợp là Công ty niêm yết, Tổng Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 54. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc.

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 55. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ và quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 56. Tổ chức công bố thông tin

1. Tổng Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Tổng Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương XI

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 57. Giám sát về quản trị công ty

1. Tổng Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Nghị định này.
2. Tổng Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty đại chúng và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Trường hợp Tổng Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 58. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Trường hợp công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này tùy theo tính chất và mức độ sẽ xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm 12 chương, 60 điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 họp và biểu quyết nhất trí **thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2018. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh** mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty, Tổng công ty có thể trình Đại hội đồng cổ đông họp xem xét, quyết định.

Điều 60. Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, ban, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018**

THẺ BIỂU QUYẾT

TÊN CỔ ĐÔNG

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT

MÃ SỐ BIỂU QUYẾT



TỔNG GIÁM ĐỐC


Quách Văn Đức

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA

PHIẾU BẦU
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016-2021

Mã số thẻ biểu quyết: 001

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: X cổ phần

Tổng số phiếu bầu: X x 2 = Y phiếu bầu

DANH SÁCH ỨNG CỬ VIÊN

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu
1		
2		
Tổng cộng:		Y



TỔNG GIÁM ĐỐC

Quách Văn Đức